


**FORTEX**

# 2022

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



 [www.fortex.com.vn](http://www.fortex.com.vn)

 <https://www.facebook.com/fortexcorporation>

# MỤC LỤC

<b>I. THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	4
<b>II. THÔNG TIN CHUNG</b>	
1. THÔNG TIN CƠ BẢN .....	5
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	6
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH .....	7
4. THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TR, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ .....	15
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	16
6. CÁC RỦI RO .....	17
<b>III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022</b>	
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 .....	22
2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ.....	23
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN .....	30
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	32
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU .....	33
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY.....	35
<b>IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	
1. TỔNG QUAN NGÀNH DỆT MAY NĂM 2022 .....	38
2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	41
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	42
4. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ .....	45
5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI .....	46
6. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN .....	48
<b>V. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY</b>	
1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	50
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	51
3. CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 .....	52
<b>VII. QUẢN TRỊ CÔNG TY – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	53
2. SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	54
3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	61
4. CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	63
5. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	64
<b>VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN</b>	

## BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các nhân tố rủi ro .....	18
Bảng 2: Thành viên Ban điều hành .....	23
Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm .....	26
Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex .....	29
Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2022 của Công ty .....	31
Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính .....	32
Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2022 .....	33
Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2022 .....	40
Bảng 9: Cơ cấu Tài sản Doanh nghiệp .....	43
Bảng 10: Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp .....	44
Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex ngày 31/12/2022 .....	53
Bảng 12: Thông tin Hội Đồng Quản Trị .....	61
Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT .....	61
Bảng 14: Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán 6 tháng đầu năm 2022 .....	63
Bảng 15: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán .....	64

# T HÔNG ĐIỆN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN CÔNG TY

*Kính gửi các Quý cổ đông, đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên,*

Năm 2022, mặc dù Việt Nam đã kiểm soát được dịch bệnh Covid 19 mọi hoạt động thương mại đã dần phục hồi trở lại, tuy nhiên tình hình kinh tế Thế giới đang phải đối diện với những thách thức lớn, biến động nhanh, bất ổn, lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ. Buộc các Quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cộng thêm sự cạnh tranh chiến lược, địa chính giữa các nước lớn, xung đột quân sự, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh... đã làm tăng rủi ro đến thị trường tài chính, an ninh toàn cầu. Bên cạnh đó, Trung quốc – thị trường chính và chủ lực của công ty vẫn đang đối diện với sự bùng phát khó kiểm soát của dịch bệnh Covid 19. Hoạt động xuất nhập khẩu vào Trung quốc bị tạm ngưng hoặc giãn đoạn do áp dụng các biện pháp phòng chống dịch. Điều này đã dẫn đến những khó khăn nhất định cho Công ty. Bằng những nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV, sự linh hoạt trong việc điều hành của đội ngũ lãnh đạo, Công ty đã từng bước khắc phục những khó khăn thay đổi cơ cấu mặt hàng, tập trung vào thị trường ngách và đã đạt được kết quả tốt, lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2021. Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động.



Bước sang năm 2023 chúng ta vẫn phải tiếp tục đối mặt với những thách thức đến từ cả trong nước và Quốc tế. Nhiều chỉ số báo cáo của các tổ chức tài chính cho thấy kinh tế Thế giới đang đứng trên bờ vực suy thoái.

Tôi tin tưởng rằng bằng những kinh nghiệm và sự quyết tâm, chúng ta vẫn sẽ kiên định với kế hoạch, mục tiêu đã đề ra, biến khó khăn thành lợi thế, thách thức thành cơ hội. Tiếp tục duy trì ổn định sản xuất, tạo ra các sản phẩm có giá trị và chất lượng cao, mang lại lợi ích cho khách hàng, cổ đông và CBCNV.

Tôi cũng mong muốn rằng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ, cống hiến của các Quý cổ đông, Quý đối tác khách hàng và toàn thể CBCNV để cùng nhau xây dựng một Fortex ổn định, bền vững, và phát triển, đưa Fortex trở thành thương hiệu không thể thiếu trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu.

*Kính chúc Quý vị - Quý Cổ đông*

**SỨC KHỎE – HẠNH PHÚC – THÀNH CÔNG**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

**LÊ MẠNH THƯỜNG**

# T HÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin cơ bản
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch	: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Giấy CNĐKKD	: Số 1000400095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30/10/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 01/04/2019
Vốn điều lệ	: 500.000.000.000 đồng ( <i>Năm trăm tỷ đồng</i> )
Địa chỉ	: Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
Số điện thoại	: +8422 7384 5379
Email	: <a href="mailto:contact@fortex.com.vn">contact@fortex.com.vn</a>
Website	: <a href="http://fortex.com.vn/">http://fortex.com.vn/</a>
Mã cổ phiếu	: FTM

## QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Công ty CP ĐT&PT Đức Quân được thành lập với mức vốn điều lệ 50 tỷ đồng

Thành lập 2 nhà máy sợi công suất 4500 tấn / năm và 2000 tấn/năm. Tại KCN Nguyễn Đức

Thành lập CN TPHCM và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008

2002

2006

2007

2008

2011

2013

Nhà máy sợi Đại Cường đầu tiên đi vào hoạt động với công suất 1.740 tấn/năm. Tại KCN Nguyễn Đức Cảnh

Thay đổi cơ cấu góp vốn của cổ đông sáng lập và tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ theo hình thức góp vốn bằng tiền

Nhà máy sợi số 3 đi vào hoạt động tại KCN Tiên Hải với công suất 8700 tấn / năm

Tiến hành ĐHCĐ ngày 30/06/2016 thông qua việc đăng ký niêm yết lên sở GDCK TPHCM

Thay đổi mô hình quản trị công ty hoạt động theo mô hình điểm b khoản 1 Điều 14 Luật doanh nghiệp

Dịch bệnh được kiểm soát sản xuất được phục hồi, cơ cấu lại mặt hàng, thị trường phù hợp với tình hình biến động của kinh tế thế giới

2015

2016

2017

2019

2021

2022

Trong năm 2015 Công ty thực hiện 2 lần tăng vốn. Ngày 16/09/2015 tăng lên 430 tỷ đồng. Ngày 31/12/2015 tăng lên 500 tỷ đồng

Cổ phiếu FTM là CP đầu tiên được niêm yết trong năm 2017, trở thành thành viên thứ 403 trên sở GDCK TPHCM

Dịch bệnh căng thẳng, nhà máy hoạt động cầm chừng, Thu gợn sản xuất

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sợi
  - + Sợi 100% Polyester Virgin
  - + Sợi 100% Recycled Polyester Dyed.
  - + Sợi 100% Recycled Polyester.
  - + Sợi 100% Cotton Chải thô (CD); Chải kỹ (CM)
- Sản xuất vải dệt thoi
- Hoàn thiện sản phẩm dệt
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Sản xuất hàng may sẵn, ...

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Fortex là sản xuất và kinh doanh các loại sợi cotton chất lượng cao bao gồm sợi chải thô CD, sợi chải kỹ CM, sợi 100% Polyester (PE) nguyên sinh và 100% Polyester tái sinh thường và màu đây là dòng sản phẩm mới thân thiện với môi trường bởi sản phẩm sợi không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt và hoàn tất sản phẩm. Sản phẩm sợi thuộc chiến lược sản xuất xanh hướng tới phát triển bền vững với đầu ra là nguyên liệu sợi tái sinh 100% sản xuất tại Việt Nam là lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm hàng dệt may khi Việt Nam ký kết hiệp định EVFTA, CPTPP.

Bên cạnh sản xuất và kinh doanh sợi thành phẩm, Fortex còn kinh doanh thương mại các loại sợi khác, kinh doanh bông nguyên liệu đầu vào nhập khẩu và các nguyên phụ liệu ngành sợi bán buôn cho các doanh nghiệp trong nước.

## **Sản phẩm sợi**

### ***Sợi 100% Polyester nguyên sinh (100% Polyester Virgin)***

Sợi Polyester (PE) là một loại sợi tổng hợp với thành phần cấu tạo đặc trưng là ethylene (nguồn gốc từ dầu mỏ).

Sợi được ứng dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, đồ nội thất gia dụng, vải công nghiệp, vật liệu cách điện... Sợi Polyester có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống là không hút ẩm, nhưng hấp thụ dầu. Chính những đặc tính này làm cho Polyester trở thành một loại vải hoàn hảo đối với những ứng dụng chống nước, chống bụi và chống cháy. Khả năng hấp thụ thấp của Polyester giúp nó tự chống lại các vết bẩn một cách tự nhiên. Vải Polyester không bị co khi giặt, chống nhăn và chống kéo dãn. Nó cũng dễ dàng được nhuộm màu và không bị hủy hoại bởi nấm mốc. Vải Polyester là vật liệu cách nhiệt hiệu quả, do đó nó được dùng để sản xuất gói, chăn và áo khoác ngoài.

### ***Sợi màu 100% Polyester tái sinh (100% Recycled Polyester Dyed)***

Polyester màu tái sinh được sử dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, vớ "bít tất". Không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt, sợi Polyester tái sinh có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống cotton và Polyester nguyên sinh như rút ngắn công đoạn sau dệt, đảm bảo ưu thế giảm chi phí sản xuất, thân thiện với môi trường. Hiện nay sản phẩm sợi được sử dụng nhiều trong các sản phẩm dệt may và may mặc với tính cơ lý ngang bằng các sản phẩm may mặc truyền thống như sợi PE nguyên sinh, sợi cotton và sợi pha, đặc biệt là giá thành chế biến rẻ tăng lợi thế cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại.

### ***Sợi 100% Cotton Chải thô, Chải kỹ***

Cotton là loại chất liệu được sử dụng phổ biến trong các trang phục hàng ngày bởi chúng mang lại cảm giác thoáng mát, dễ chịu cho người mặc. Từ thời xa xưa, sau khi trồng trọt xuất hiện, con người đã biết đến cách trồng bông. Những quả bông sau khi thu hái được kéo thành sợi bông (hay còn gọi là sợi Cotton) dùng để dệt vải.

Về ưu điểm, Cotton đem lại cảm giác thoáng mát, thoải mái cho người mặc bởi khả năng hút ẩm tốt, thấm mồ hôi cao. Về nhược điểm, chất liệu Cotton khá cứng, thường thích hợp với nam giới.



## ***Các sản phẩm sợi của Fortex:***



**CD**

### **(Sợi Cotton chải thô CD)**

- Thành phần: 100% cotton chải thô
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi OE
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60



**CM**

### **(Sợi Cotton chải kỹ CM)**

- Thành phần: 100% cotton chải kỹ
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi CD
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60



**PE Virgin  
(Sợi 100% Polyester  
nguyên sinh)**

- Thành phần: 100% xơ Polyester nguyên sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 50/1



**PE Recycled Dyed  
(Sợi 100% Polyester  
màu tái sinh)**

- Thành phần: 100% xơ Polyester màu tái sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay.
- Sợi dệt không qua công đoạn tẩy nhuộm trước và sau công đoạn hoàn tất.
- Sợi dùng trong dệt kim và dệt kiếm



**PE Recycled  
(Sợi 100% Polyester  
tái sinh)**

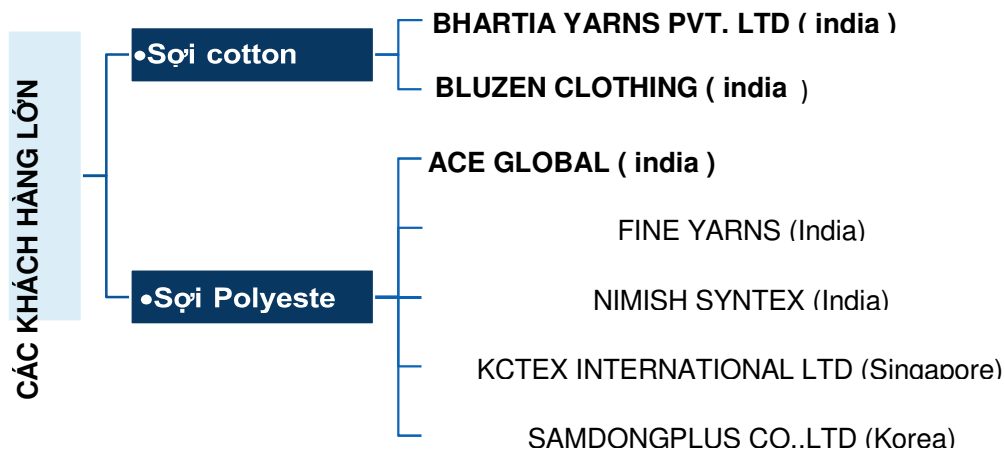
- Thành phần: 100% xơ Polyester tái sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay, đồ lót...
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí.
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 40/1

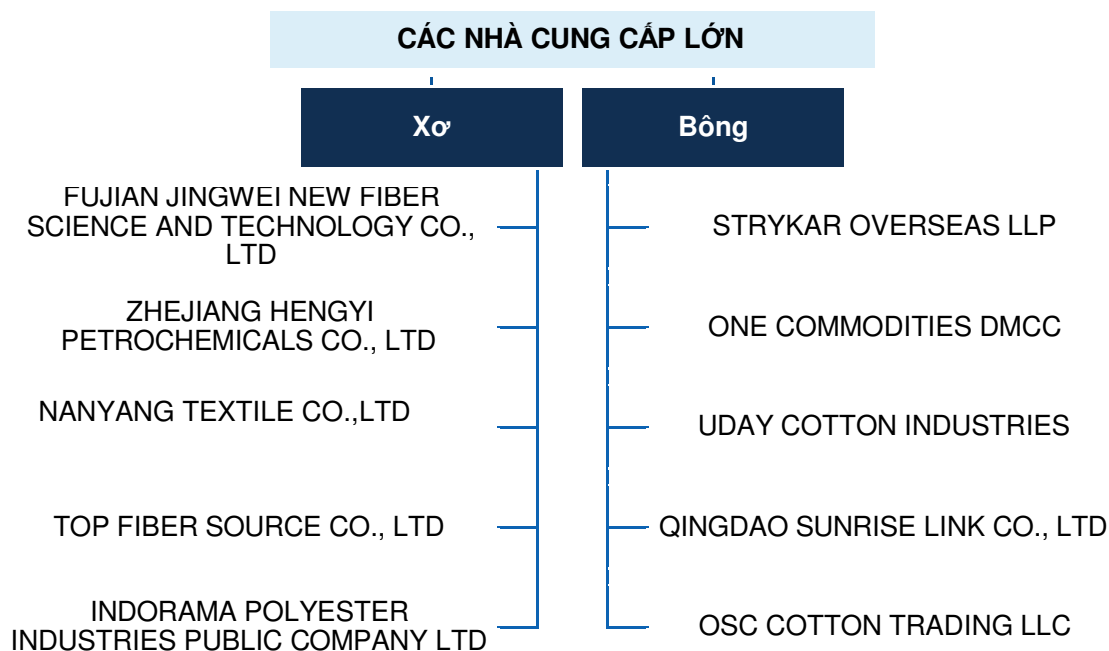


### Địa bàn kinh doanh

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19, thị trường Trung quốc đóng băng. Năm 2022 công ty tiếp tục cơ cấu lại sản xuất và thị trường tiêu thụ. Tập trung khai thác các thị trường mới ổn định và phù hợp với dòng sản phẩm của công ty đang sản xuất. Sản phẩm sợi Fortex hiện được khách hàng tin dùng và tiêu thụ tại các thị trường khó tính như Châu Mỹ và một số nước như Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka, ...

Trong năm 2022, Công ty đã dịch chuyển từ thị trường Trung quốc sang thị trường Ấn độ với mặt hàng chủ đạo là Polyester với tỷ trọng 30%. còn lại là tiêu thụ nội địa.





### Nhà máy sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật

Fortex có trụ sở chính tại Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiền Phong, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình và 02 nhà máy tọa lạc tại KCN Nguyễn Đức Cảnh , TP Thái Bình và 01 nhà máy tại Khu Công Nghiệp Tiền Hải , Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình.

Tại các nhà máy của Fortex hiện nay đều được trang bị dây chuyền thiết bị kéo sợi đồng bộ, hiện đại bao gồm: Hệ thống dây cung bông (Máy xé, máy trộn, máy lọc kim loại, máy lọc sơ ngoại lai), máy chải thô, máy ghép, máy cuộn cúi, máy chải kỹ, máy sợi thô, máy sợi con, máy đánh ống tự động, hệ thống điều không, thiết bị phòng thí nghiệm...

Máy móc của công ty chủ yếu nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật, Trung Quốc... Hệ thống kéo sợi của Fortex được cung cấp chủ yếu bởi RIETER – Thụy Sĩ, hãng cung cấp uy tín hàng đầu Thế giới về thiết bị cho công nghệ kéo sợi.

Trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát từ USTER, nhà cung cấp hàng đầu Thế giới về thiết bị đo lường – kiểm tra chất lượng các sản phẩm sợi – dệt.

## Các nhà máy lớn thuộc sở hữu của Fortex



### Fortex

hiện có 03 nhà máy với 101.400 cọc sợi,  
tương đương công suất tối đa  
khoảng 17.000 tấn/năm.

## NHÀ MÁY SẢN XUẤT

*Máy Rieter G35: 1620\*28*

*Máy Zinser 360: 1200\*32*

*Máy Shanghai: 504\*35*



### NHÀ MÁY ĐỨC QUẬN 1

17.640 cọc sợi  
Tổng công suất sản  
xuất 3.300 tấn/năm  
(Shanghai: 504\*35)



### NHÀ MÁY ĐỨC QUẬN 2

38.400 cọc sợi  
công suất thiết kế tối  
đa 6.200 tấn/năm.  
(Zinser 360: 1200\*32)



### NHÀ MÁY ĐỨC QUẬN 5

45.360 cọc sợi tương  
đương công suất  
7.500 tấn/năm  
Công nghệ đồng bộ  
hiện đại bậc nhất  
Đông Nam Á.  
(Rieter G35: 1620\*28)

COLLABORATION INSPIRE VISION MOTIVATION  
 DELIVER INNOVATE PERFORMANCE  
**ACHIEVEMENT**  
 SERVICE TEAMWORK EXCELLENCE  
 INTEGRITY SUCCESS SKILL DUTY STRENGTH RESPECT  
 ACCOUNTABLE COURAGE MENTOR

**Các sự kiện và thành tích nổi bật**

Với những nỗ lực và đóng góp không ngừng trong quá trình hoạt động, Fortex vinh dự được đón nhận những danh hiệu nổi bật.



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế



Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng Bằng khen "Thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế"



UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"



UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"



Chứng chỉ bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ cho mặt hàng sợi các loại



UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh XNK năm 2017 góp phần phát triển KT-XH của Tỉnh"



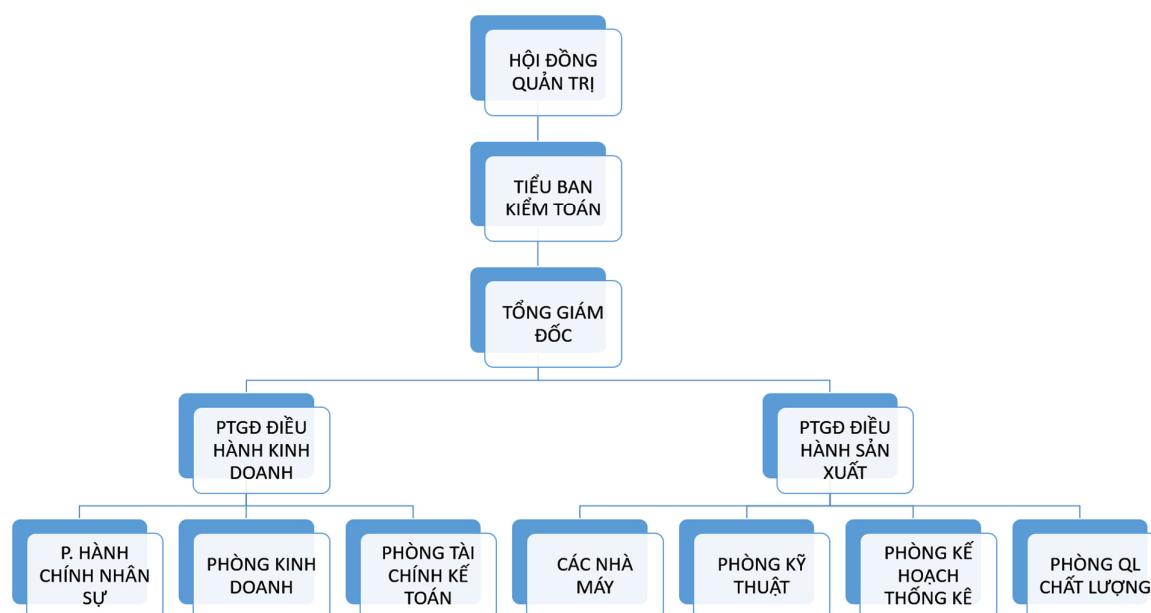
UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen "Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2019"

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mới được chuyển đổi từ mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp từ ngày 25/06/2020.

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý (tính đến thời điểm 31/12/2022):



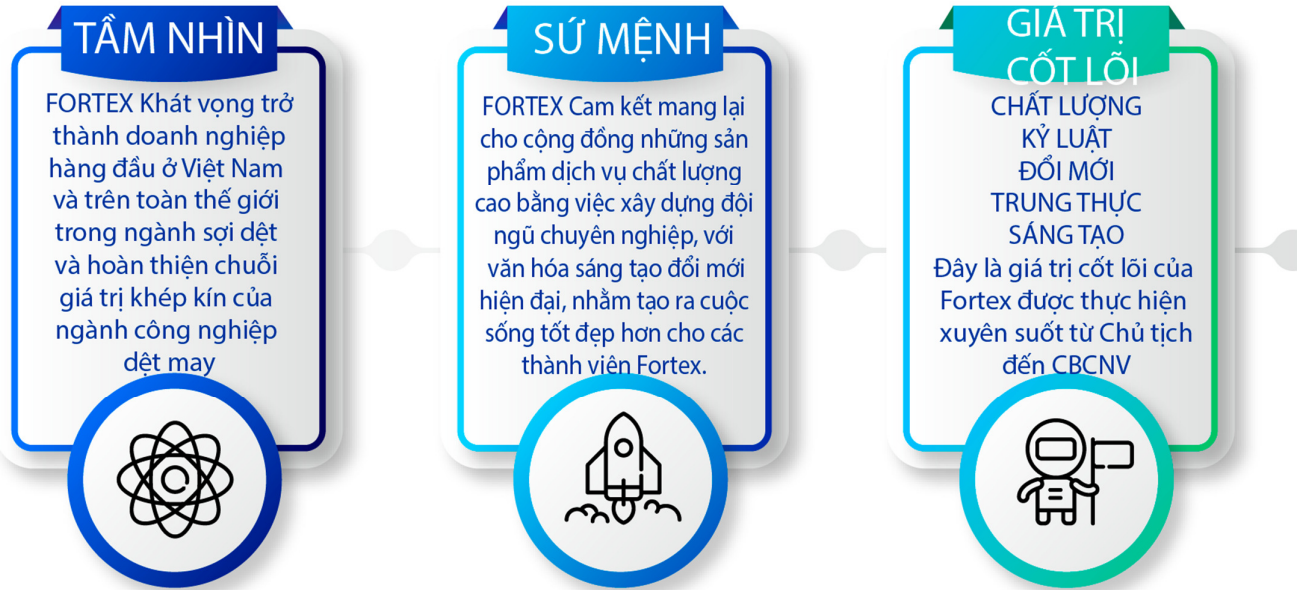
## Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Không có

Công ty liên kết: Không có

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



### Mục tiêu hoạt động

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mục tiêu chủ yếu của Công ty là: “Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.”

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô và bối cảnh kinh doanh có nhiều điểm không thuận lợi và thách thức của năm 2022, Ban điều hành Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân luôn chủ động tìm kiếm cơ hội trong nguy cơ, tập trung trọng điểm vào nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng thị trường và duy trì mạng lưới khách hàng hiện hữu. Công ty tiếp tục duy trì và phát huy đầy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội. Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2022 - 2030 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hàng năm từ 10% trở lên.



## Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

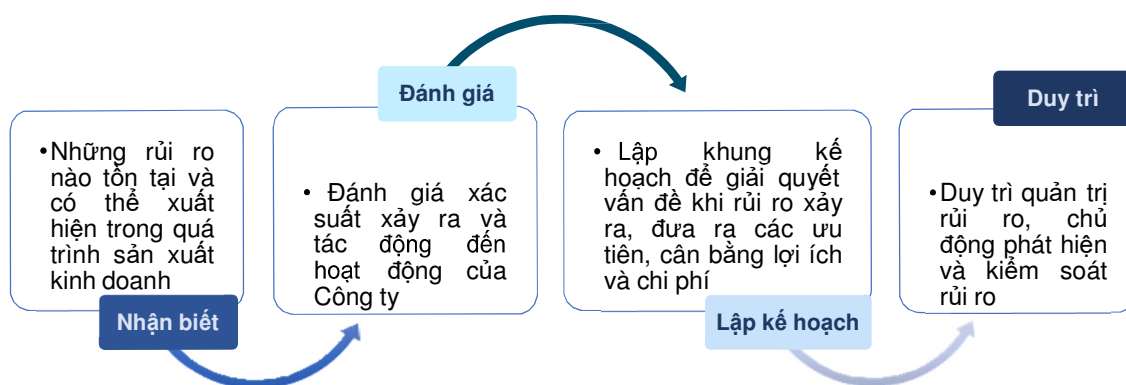
Công ty mong muốn mang lại cho các đối tác và khách hàng những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất đồng thời hạn chế thấp nhất gây ô nhiễm môi trường.

## CÁC RỦI RO

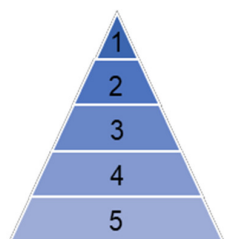
### Quản trị rủi ro

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh, hàng năm, Tổng Giám đốc chỉ đạo xem xét và phê duyệt khung quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty. Công ty đã xây dựng khung quản trị rủi ro, áp dụng quy trình nhận diện, phân tích, đo lường và đánh giá và tiếp cận các rủi ro có thể xảy ra, từ đó sẽ tìm kiếm và đưa ra các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất. Mục đích cuối cùng chính là giảm thiểu tổn thất xuống mức thấp nhất có thể. Đồng thời biến những bất lợi từ rủi ro thành cơ hội để dẫn đến thành công

### Sơ đồ quy trình quản trị rủi ro



### Các rủi ro Công ty gặp phải



#### Thang đo xác suất xảy ra

- 1 - Xác suất xảy ra bằng 0
- 2 - Xác suất xảy ra thấp
- 3 - Xác suất xảy ra trung bình
- 4 - Xác suất xảy ra lớn
- 5 - Xác suất xảy ra rất lớn

#### Thang đo tác động

- 1 - Không ảnh hưởng
- 2 - Ảnh hưởng nhỏ
- 3 - Ảnh hưởng bình thường
- 4 - Ảnh hưởng lớn
- 5 - Ảnh hưởng rất lớn



**Bảng 1: Các nhân tố rủi ro**

Nhận biết rủi ro	Đánh Giá	Giải Pháp
<p><b>Rủi ro hệ thống</b></p>	<p>Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may và do đó có thể ảnh hưởng tới khả năng bán hàng của doanh nghiệp.</p> <p>Tình hình dịch Covid – 19 trên toàn cầu đã có dấu hiệu qua đỉnh và thuyên giảm, đặc biệt Việt Nam đã mở cửa trở lại và dỡ bỏ các rào cản về y tế. Tuy nhiên rủi ro dịch bệnh ở các nước thị trường chính của công ty vẫn là nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh</p> <p><b>Đánh giá: Xác suất: 4; Tác động: 3</b></p>	<p>Để đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu mục tiêu, Công ty tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành để giữ chân khách hàng thân thiết.</p> <p>Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt.</p>
<p><b>Rủi ro cạnh tranh</b></p>	<p>Fortex là một trong những nhà sản xuất sợi Cotton hàng đầu Việt Nam, năng lực sản xuất</p>	<p>Với mô hình kinh doanh chú trọng vào cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề,</p>

	<p>sợi lớn nhất miền Bắc. Hiện nay, các đối thủ cạnh tranh lớn của Fortex đang có xu hướng dịch chuyển sang sản xuất phân khúc cao cấp hoặc sợi tái chế, từ đó có thể thấy tại thị trường sản xuất sợi Cotton, Fortex vẫn đang nắm lợi thế cạnh tranh lớn.</p> <p><b>Đánh giá: Xác suất: 2, Tác động: 2</b></p>	<p>chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiện đại, Công ty tin tưởng sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.</p>
<b>Rủi ro lãi suất</b>	<p>Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Việc lãi suất cho vay biến động có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả HĐKD của Công ty. Giai đoạn năm 2022 để điều hành ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát Ngân hàng nhà nước đã tăng lãi suất và siết chặt tín dụng, Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng không nhỏ</p> <p><b>Đánh giá: Xác suất: 1, Tác động: 1</b></p>	<p>Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, Công ty cần vốn lưu động lớn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phải luôn chủ động và nỗ lực trong việc tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ, ngoài việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty lựa chọn tổ chức tín dụng, tổ chức phi tín dụng có mức lãi suất cạnh tranh để huy động vốn nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty.</p>
	<p>Ngành Dệt May là một trong những ngành sử dụng lao động cao ở Việt Nam, do đó vấn đề nhân công rất được Công ty chú trọng quan tâm. Hiện nay, Việt Nam đã trải qua thời kì “dân số vàng” nên nguồn cung lao động cho Ngành Dệt May đang dần</p>	<p>Để đảm bảo luôn đủ nguồn nhân lực, Công ty đã có những chính sách ưu đãi cho người lao động: điều chỉnh tăng mức lương các bậc, trong đó ưu tiên tăng lương cho lao động có tay nghề cao, tổ chức xét tăng</p>

<p><b>Rủi ro nguồn nhân lực</b></p>	<p>thiếu hụt trong tương lai và các nhóm ngành công nghiệp chế tạo cũng đang thu hút lao động bằng các ưu đãi, môi trường làm việc tốt hơn. Vì vậy, rủi ro thiếu nguồn nhân lực trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.</p> <p><b>Đánh giá: Xác suất: 3, Tác động: 3.</b></p>	<p>lương định kỳ; áp dụng các chế độ thưởng về năng suất, chất lượng, chuyên cần, thưởng thành tích cuối năm; áp dụng các chế độ phụ cấp; phối hợp tốt với Công đoàn lao động thực hiện chăm lo cho đời sống tinh thần và vật chất của người lao động.</p> <p>Song song với đó, Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa</p>
<p><b>Rủi ro Pháp luật</b></p>	<p>Sự thay đổi của các chính sách Pháp luật về Thị trường chứng khoán, thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp.</p> <p><b>Đánh giá: Xác suất 2, Tác động: 2</b></p>	<p>Để đảm bảo tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã triển khai các quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động có nguy cơ phát sinh rủi ro pháp lý trong nội bộ. Từng phòng chức năng cũng thường xuyên được cập nhật các văn bản pháp luật mới, tập huấn các qui định pháp luật chuyên ngành liên quan chức năng của mình.</p>
<p><b>Rủi ro môi trường</b></p>	<p>Ngành sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau quá trình sản xuất kinh doanh là thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí: phí tài nguyên môi</p>	<p>Hiện tại, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và đang thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, các chi phí phát sinh cần thiết liên quan đến công tác bảo vệ môi trường được tính toán nằm trong kế hoạch chi phí của Công</p>

	<p>trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất,... ngày càng cao cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.</p> <p><b>Đánh giá: Xác suất: 4, Tác động: 3</b></p>	<p>ty. Công ty đã có kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất các sản phẩm sợi dệt màu không qua tẩy nhuộm hạn chế tối đa chất thải ra môi trường</p>
--	---	---

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sau giai đoạn phục hồi, từ Quý III/2022 các đơn hàng dệt may bắt đầu có dấu hiệu suy giảm, các doanh nghiệp dệt may nói chung và ngành sợi nói riêng gặp nhiều khó khăn khi đơn hàng liên tục sụt giảm mạnh bởi sức ép của lạm phát tăng cao ở hầu hết các quốc gia, là các thị trường lớn của Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu, gây sụt giảm nhu cầu hàng hoá nhập khẩu từ các nước đặc biệt tập trung vào thị trường Mỹ, EU buộc người tiêu dùng phải thắt chặt chi tiêu. Riêng thị trường Trung Quốc với vai trò là nhà nhập khẩu sợi bông lớn nhất Thế giới từ các nước Ấn Độ, Việt Nam, Pakistan và Uzbekistan, do các nhà máy kéo sợi của họ không sản xuất đủ để cung cấp cho ngành dệt may. Tuy nhiên, theo số liệu của VCOSA tới tháng 09/2022 giá trị nhập khẩu sợi bông của Trung Quốc đã giảm 33,2% từ mức 4,3 tỷ USD xuống còn 2,8 tỷ USD do chính sách nghiêm ngặt “Zero Covid” của nước này khiến nhiều Thành phố bị phong tỏa, làm gián đoạn sản xuất và làm giảm nhu cầu trong nước. Cũng theo báo cáo của USDA, doanh số bán hàng may mặc trong nước và xuất khẩu sản phẩm bông của Trung Quốc đều giảm 5% trong năm 2022, phản ánh nhu cầu đối với hàng may mặc của nước này đang giảm.

Công ty đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, tuy nhiên với hàng loạt khó khăn trên đã khiến tổng doanh thu thuần của công ty năm 2022 chỉ đạt 189,147 tỷ đồng, giảm 18,16% so với năm 2021, lợi nhuận sau thuế tăng 8.92% ( từ âm 223,230 tỷ xuống còn âm 203,312 tỷ) tuy nhiên do khoản trích lập dự phòng công nợ phải thu khiến lợi nhuận sau kiểm toán bị điều chỉnh âm thêm.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách các thành viên Ban điều hành

**Bảng 2: Thành viên Ban điều hành**

1. Thành viên Ban điều hành từ 01/01/2022 – 30/03/2022:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Ông Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0%
Ông Phạm Trường Giang	Phó TGD	0 cổ phần	0%
Ông Trần Xuân Tiến	TV HĐQT - Phó TGD	0 cổ phần	0%
Ông Đào Văn Nam	Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%

2. Thành viên Ban điều hành từ 01/04/2022 – 31/12/2022:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Ông Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0%
Ông Trần Xuân Tiến	TV HĐQT - Phó TGD	0 cổ phần	0%
Ông Đào Văn Nam	Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%

## Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành:

### Tổng Giám Đốc - Ông Đỗ Văn Sinh

Họ và tên : Đỗ Văn Sinh

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 31/03/1980

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác : Tổng Giám đốc

#### Quá trình công tác

2004 – 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường

2013 – 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

2017 – 2018: Trợ lý TGD - Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung

T12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

T4/2019 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

### Phó Tổng Giám đốc - Ông Phạm Trường Giang

Họ và tên : Phạm Trường Giang

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 13/04/1981

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán tài chính

Chức vụ công tác : Phó Tổng Giám đốc

#### Quá trình công tác

2002– 2008: Nhân viên kế toán công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường

2008– 2011: Trưởng phòng dự án - đầu tư công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường

2011– 2013: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường

2013– 2015: Giám đốc tài chính công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường

2017– Nay: Tổng Giám Đốc công ty cổ phần tập đoàn Đại Cường

T11/2019 – T4/2022: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân



### **Phó Tổng Giám đốc - Trần Xuân Tiến**

Họ và tên : Trần Xuân Tiến  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 19/10/1975  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện – Cử nhân quản trị kinh doanh

#### **Quá trình công tác**

6/2007– 8/2010: nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân  
8/2010 - 10/2019: Trưởng phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân  
11/2019 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Chức vụ công tác : Phó Tổng Giám đốc

### **Kế toán trưởng - Ông Đào Văn Nam**

Họ và tên : Đào Văn Nam  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 23/06/1990  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD - Cử nhân kế toán tài chính

#### **Quá trình công tác**

7/2018 – 12/2018: Nhân viên kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân  
12/2018 - 11/2019: Phó phòng kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân  
11/2019 - Nay: Kế toán trưởng công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Chức vụ công tác : Kế toán trưởng

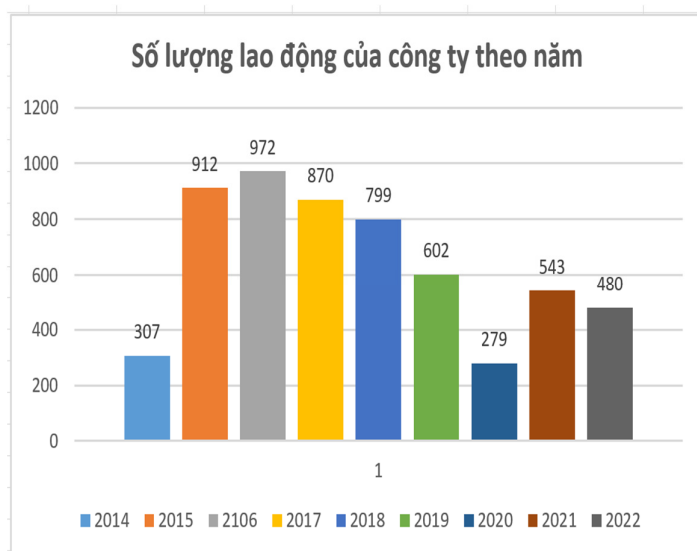
### **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Theo Nghị Quyết HĐQT số 14C/2022/NQ-FTM-HĐQT ngày 30/03/2022 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc điều hành kinh doanh đối với Ông Phạm Trường Giang kể từ ngày 01/04/2022.

## Chính sách đối với người lao động

### Số lượng lao động trong công ty

**Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm.**

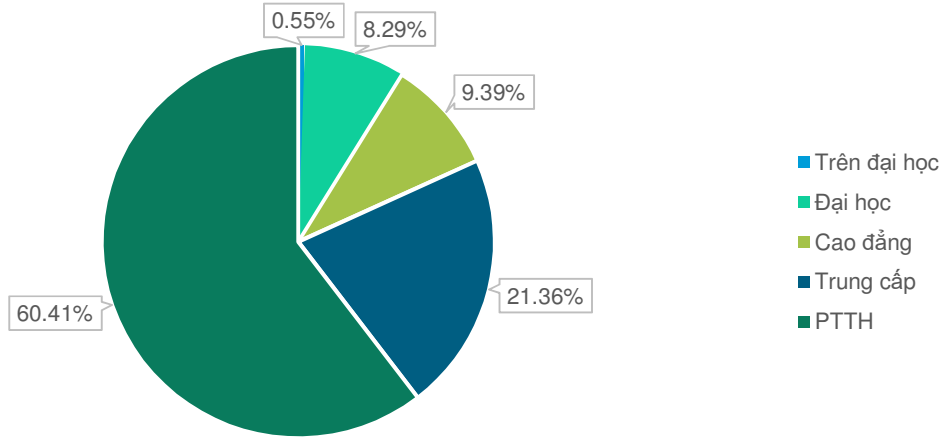


Công ty đã lựa chọn thay đổi hình thức trả lương từ việc trả lương theo thời gian sang giao khoán sản phẩm từ năm 2019. Do vậy, Công ty có thể tinh gọn được số lượng người lao động, tăng năng suất lao động từ đó tiết giảm được chi phí sản xuất. Năm 2020, 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 làm gián đoạn sản

xuất kinh doanh, Công ty phải tạm dừng hoạt động hai nhà máy Đức Quân 2, Đức quân 5 chỉ duy trì hoạt động sản xuất nhà máy Đức Quân 1 sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, vì vậy số lượng lao động giảm. Năm 2022, tình hình dịch Covid-19 đã ổn định dần nhờ vào tỷ lệ tiêm phủ vắc xin cao, các chính sách mở rộng của Chính phủ và ngân hàng Nhà nước dần cho thấy hiệu quả, nền kinh tế đang trên đà bình thường hóa và dần hoạt động nhộn nhịp. Các đơn hàng của Fortex cũng tăng dần, công ty khôi phục hoạt động của nhà máy Đức quân 2, Đức Quân 5 vì vậy trong năm 2021, số lượng công nhân viên của Công ty đã tăng 94,62% từ 279 lên 543 người. Sang năm 2022 công ty duy trì hoạt động sản xuất 3 nhà máy số lượng công nhân biến động giảm do đây là số liệu cuối năm khi công nhân có sự lựa chọn thay đổi công việc.

### **Cơ cấu lao động**

### Cơ cấu lao động theo trình độ





### ***Chính sách đối với người lao động***

Cán bộ công nhân viên là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty luôn cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách an toàn lao động hiệu quả, chịu trách nhiệm cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Đồng thời xây dựng một môi trường làm việc công bằng, bình đẳng, cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đảm bảo về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty.

### ***Chính sách tuyển dụng***

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực và phù hợp với định hướng phát triển vào làm việc tại Công ty. Tùy vào từng vị trí tuyển dụng, Công ty đưa ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, cân bằng giữa tuyển dụng lao động trong nội bộ và bên ngoài Công ty.

Trong nội bộ: Đề bạt các vị trí quản lý, lãnh đạo: Trưởng phòng, phó phòng, quản lý nhà máy sản xuất đây là lực lượng lao động có kinh nghiệm, trình độ, hiểu biết rõ về công ty, trung thành với Công ty.

Thu hút lao động bên ngoài doanh nghiệp: Thông qua các phương tiện truyền thông, trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, thông báo tuyển dụng ở các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... Công ty thu hút lao động ở các lĩnh vực: công nhân kỹ thuật, kỹ sư, cử nhân kinh tế, ngoại ngữ, kế toán, ... ưu tiên những cá nhân có kinh nghiệm làm việc.

### ***Chính sách đào tạo***

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Công ty rất quan tâm và coi trọng việc đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất. Các khóa học ngắn hạn bên ngoài và các khóa đào tạo nội bộ thường xuyên được tổ chức định kỳ mỗi năm cho tất cả công nhân viên Công ty.

Thông qua việc đào tạo, nhân viên sẽ được nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cùng các kỹ năng khác. Đồng thời, qua quá trình đào tạo, nhân viên cũng xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của chung Công ty.

Các khóa đào tạo của Công ty được thiết kế một cách hiệu quả dựa trên yêu cầu thực tiễn hoạt động của từng bộ phận chức năng, nhằm đảm bảo cho cán bộ nhân viên có thể áp dụng được tối đa những kỹ năng, kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc. Công ty tạo mọi điều kiện cho người lao động có cơ hội thăng tiến trong công việc, nhất là những người có tính cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc.

### ***Chế độ làm việc***

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động.

### ***Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động***

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, thu nhập của CBCNV đều được dựa trên kết quả thực hiện của mỗi thành viên, bao gồm thu nhập cơ bản, phụ cấp, thưởng theo hoàn thành nhiệm vụ, thưởng lương tháng 13... và có lộ trình tăng thu nhập theo vị trí. Ngoài ra, chính sách thưởng phạt được xử lý theo quy trình, áp dụng công khai, đảm bảo bình đẳng trong tập thể. Chính sách này đã tạo động lực cho CBCNV tận tâm với công việc, đồng thời không ngừng phát huy năng lực, nâng cao chất lượng hiệu quả công việc. Chế độ phúc lợi cho CBCNV được Công ty nghiêm túc thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, người lao động được đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm 24h...

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Các khoản đầu tư lớn

**Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex**

STT	Khoản đầu tư tài chính/Dự án	Tình hình thực hiện
1	Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	<p>Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mã BID2_18.06, số lượng 24 trái phiếu, tại ngày 19/12/2018, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VNĐ/1 trái phiếu, thời hạn trái phiếu 10 năm, hình thức phát hành ghi sổ, ngày phát hành 19/12/2018, ngày đáo hạn 19/12/2028.</p> <p>Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 4 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất cộng với 1%.</p> <p>Phương thức trả lãi: trả sau, thời điểm trả lãi: định kỳ 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.</p>
2	Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	<p>Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại khu công nghiệp khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749,78 triệu đồng. Việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm nên Công ty đang tạm ngừng hoạt động xây dựng nhà máy trên. Chi phí xây dựng cơ bản đã thực hiện: <b>64.509</b> triệu đồng.</p>

3	Khoản hợp tác đầu tư dự án bất động sản với Công ty Cổ phần Bất động sản New City	Khoản hợp tác đầu tư giữa giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 m <sup>2</sup> để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019.
---	---	---

**Các công ty con, công ty liên kết: Không có**



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính năm 2022 của Công ty

**Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2022 của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng/giảm
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	993.019.174,42	1.380.577,27	-28,07%
<b>Doanh thu thuần</b>	189.147,03	231.671,61	-18,35%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	-382.404,77	-91.457,13	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	-90.646,93	-132.701,04	-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	-473.051,70	-224.158,17	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	-473.051,70	-224.158,17	-
<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</b>	-	-	-

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022 đã Kiểm toán)*



## Các chỉ tiêu tài chính

**Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính**

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021
<b>1</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,3919	0,6787
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.3245	0,6267
<b>2</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1.3873	0,9359
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-3,5841	14,5972
<b>3</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,16	0,16
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,48	5,06
<b>4</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-250,1%	-96,76%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-47,64%	-16,24%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần:	-202,17%	-39,48%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022 đã Kiểm toán)

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **50.000.000 cổ phần**

Loại cổ phần đang lưu hành : **Cổ phần phổ thông**

Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

### Cơ cấu cổ đông

**Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2022**

STT	Cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>Cổ đông nhà nước và cổ đông khác</b>				
1	CĐ nhà nước	0	0	0%
2	CĐ khác	7,784	50,000,000	100%
<b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân</b>				
1	CĐ là tổ chức	20	220,010	0.44%
2	CĐ là cá nhân	7,764	49,779,990	99.56%
<b>Theo tỷ lệ sở hữu</b>				
1	CĐ lớn	2	15,866,500	31.73%
2	CĐ nhỏ	7,782	34,133,500	68.27%
<b>Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài</b>				
1	Cổ đông trong nước	7763	49,842,370	99.68%
2	Cổ đông nước ngoài	21	157,630	0.32%
<b>Tổng cộng</b>		<b>7,784</b>	<b>50,000,000</b>	<b>100%</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 27/11/2013 theo GCN ĐKDN số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2022, công ty đã thực hiện các lần tăng vốn sau:

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	16/09/2015	280.000	430.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ</li> <li>- Giấy CN ĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/09/2015</li> <li>- Cơ quan chấp thuận là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình</li> </ul>
2	31/12/2015	70.000	500.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ</li> <li>- Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 9 ngày 31/12/2015</li> <li>- Cơ quan chấp thuận Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.</li> </ul>

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2022, Công ty không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

### Các chứng khoán khác

Hiện tại, không có loại chứng khoán khác ngoài cổ phần phổ thông của CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## **Tiêu thụ năng lượng**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng nguồn năng lượng chính đến từ điện.

Trong quá trình vận hành nhà máy cũng như khối văn phòng, Công ty luôn chú trọng đến chiếu sáng môi trường làm việc, đồng thời sử dụng điện năng tiết kiệm, hiệu quả bằng cách:

- Kiểm soát tắt mở đèn theo thời gian làm việc, có các biện pháp phạt hợp lý cho những hành vi lãng phí điện, duy trì nhiệt độ điều hòa không khí ở chế độ hợp lý như 25 -26 độ C ban ngày.
- Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế vận hành các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn (như máy xé, máy bông, máy chải, máy nén khí...vào giờ cao điểm từ 17 giờ đến 20 giờ hàng ngày), không để các thiết bị điện hoạt động không tải.
- Đầu tư, cải tiến, thay thế dần các thiết bị cũ, lạc hậu, hiệu suất thấp bằng các thiết bị, công nghệ có hiệu suất cao và tiết kiệm điện;
- Lắp thêm các thiết bị đo đếm điện năng tại các bộ phận (tổ/đội/dây chuyền) sản xuất để kiểm soát lượng điện sử dụng, đồng thời giao trách nhiệm tiết kiệm điện cho các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện.
- Tuyên truyền sâu rộng tới toàn bộ CBCNV và người lao động về thực hành tiết kiệm điện, xem chi phí tiền điện là một trong những chỉ số trong chi phí đầu vào của doanh nghiệp, cần phải theo dõi thường xuyên và tiết kiệm tại tất cả các khâu trong sản xuất, kinh doanh.

## **Tiêu thụ giấy, văn phòng phẩm**

Nhận thấy việc sử dụng VPP tiết kiệm, hiệu quả sẽ vừa tiết kiệm chi phí vừa bảo vệ môi trường, công ty đã triển khai các cách để CBNV áp dụng:

- In hai mặt để tiết kiệm giấy
- Không in thừa
- Luôn đọc thử và xem trước
- Lưu trữ tất cả các tài liệu dưới file
- Tái sử dụng giấy đã in 1 mặt

- Sử dụng đúng kích cỡ giấy cho mục đích in

### **Trồng cây xanh**

Duy trì tỷ lệ diện tích cho khuôn viên cây xanh, thường xuyên trồng thêm cây để đảm bảo không khí được thoáng mát bảo vệ môi trường như hút khí CO<sub>2</sub>, cung cấp O<sub>2</sub> và ngăn giữ các chất khí bụi độc hại. Cây xanh còn có tác dụng hạn chế tiếng ồn.

### **Tiêu thụ nước**

Nguồn cung cấp nước chính của Công ty đến từ nước máy.

Đối mặt với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng phức tạp như hiện nay, Công ty đề cao kiểm soát lượng nước sử dụng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, tận dụng tối đa những nguồn nước phát sinh như nước mưa tự thu thập, nước từ sông, hồ trong quá trình sản xuất, lắp các đồng hồ đo nước tại mỗi bộ phận và giao trách nhiệm tiết kiệm cho từng bộ phận thực hiện, kiểm tra và khắc phục rò rỉ hàng năm. Đối với khối văn phòng, chúng tôi đã thực hiện cài đặt dòng chảy nhỏ và vừa cho các thiết bị vòi vệ sinh, giảm sử dụng nước cho cảnh quan trang trí...

Nước tiêu thụ trong công ty chủ yếu chỉ sử dụng cho sinh hoạt, không sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

### **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng quy trình xả thải phù hợp với pháp luật và quy định về môi trường. Bên cạnh đó, Fortex luôn không ngừng tham khảo, cập nhật các quy định, chính sách, tuyên truyền về bảo vệ môi trường tới từng bộ phận, từng nhân viên, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường.

Bên cạnh đó, hiện nay, công ty đang trong quá trình đổi mới, tăng tỷ trọng sản phẩm sợi tái sinh màu không qua tẩy nhuộm, không dùng chất tẩy nhuộm, thân thiện và bảo vệ môi trường.

### **Chính sách liên quan đến người lao động**

Nhân viên của Fortex được chia ca làm việc, mỗi ngày có 3 ca sáng – chiều – tối, sắp xếp linh hoạt để nhân viên công ty có khoảng nghỉ, đảm bảo sức khỏe lao động, có cung cấp miễn phí 1 bữa ăn. Công ty cũng áp dụng đầy đủ chế độ nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản, chế độ bảo hiểm thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động làm việc xa, trả lương làm ngoài giờ và có thưởng thêm cho các nhân viên hoàn thành tốt công việc.

Về an toàn lao động, Công ty cấp phát đồ dùng bảo hộ đầy đủ cho nhân viên như quần áo, mũ nón, tạp dề, găng tay... theo định kỳ. Ở nơi làm việc cũng trang bị đầy đủ thiết bị

phòng chống cháy nổ, chập điện, nhân viên được đào tạo kiến thức về an toàn phòng cháy chữa cháy, luôn đề cao tinh thần cảnh giác. Cũng trong năm 2022, Fortex đã mở những khóa đào tạo nội bộ nâng cao tay nghề người lao động, đào tạo kỹ năng quản lý cho cấp quản lý nhà máy từ trưởng ca, quản đốc, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại 4.0.

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

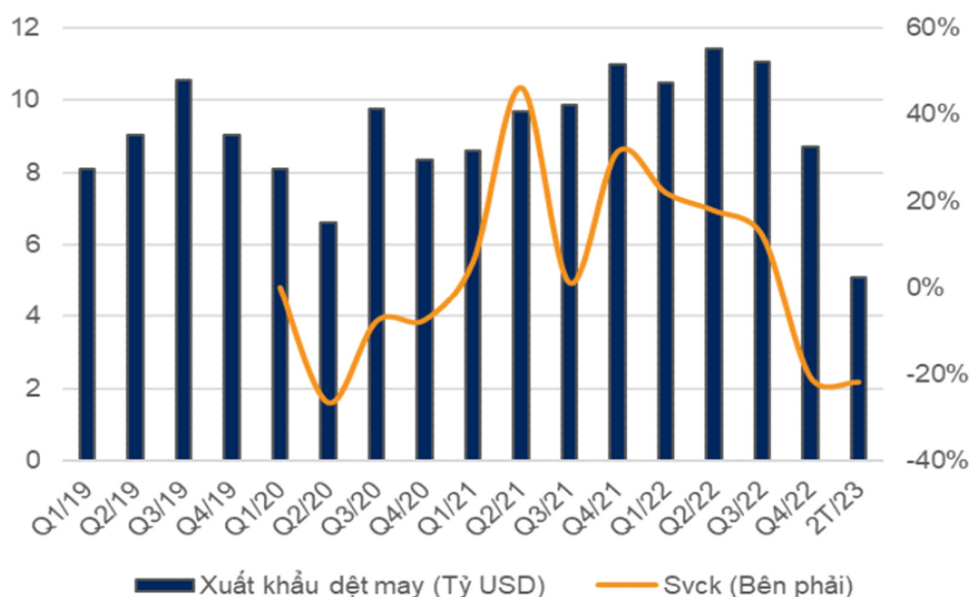
1. Tổng quan ngành dệt may năm 2022
2. Đánh giá kết quả tình hình sản xuất kinh doanh
3. Tình hình tài chính
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai
6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

## TỔNG QUAN NGÀNH DỆT MAY NĂM 2022

Năm 2022, ngành dệt may chịu nhiều áp lực lớn. Xuất khẩu dệt may tăng trưởng tương đối tốt trong nửa đầu năm 2022, tuy nhiên, bước vào quý III/2022, thị trường bắt đầu có dấu hiệu sụt giảm đơn hàng rõ rệt. Nguyên nhân là do các thị trường lớn là Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU)... có lạm phát cao làm giảm chi tiêu của người dân, trong đó may mặc là mặt hàng được cắt giảm chi tiêu nhiều. Ngoài ra, các thị trường là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc)... vẫn áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt chống Covid-19, ảnh hưởng không nhỏ đến chuỗi cung ứng nguyên, phụ liệu và tiêu thụ sản phẩm dệt may của Việt Nam.



Kim ngạch xuất khẩu dệt may giảm 20,4% svck trong Q4/22. Trong đó, giá trị xuất khẩu vải và hàng may mặc giảm 10,2% so với cùng kỳ xuống còn 8,5 tỷ USD, trong khi giá trị xuất khẩu xơ và sợi giảm 50,5% so với cùng kỳ do nhu cầu yếu tại các thị trường lớn (do kỳ vọng lạm phát cao đang diễn ra và rủi ro suy thoái kinh tế ở Mỹ, EU). Nhìn chung, tổng giá trị xuất khẩu hàng dệt may năm 2022 tăng 12,8% so với cùng kỳ, đạt 44 tỷ USD.

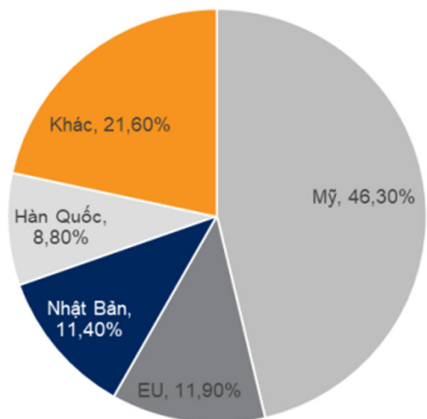


Việc Trung Quốc mở cửa có thể là con dao hai lưỡi. Một mặt việc Trung Quốc mở cửa sẽ hỗ trợ các mặt hàng xuất khẩu sang Trung Quốc như xơ, sợi phục hồi kể từ nửa sau 2023. Trung Quốc hiện là thị trường nhập khẩu sợi chính của Việt Nam, chiếm 48% tổng giá trị xuất khẩu. Ngoài ra, việc mở cửa trở lại một số mặt hàng xuất khẩu ròng của Trung Quốc có thể giúp giảm chi phí đầu vào của các doanh nghiệp may mặc do 70% nguyên liệu vải của Việt Nam được nhập khẩu từ Trung Quốc. Nhưng Trung Quốc mở cửa trở lại nền kinh tế cũng đặt ra nhiều thách thức các doanh nghiệp may mặc trong năm 2023. Hiện Trung Quốc đang là đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam tại thị trường Mỹ. Theo OTEXA, giá trị nhập khẩu hàng dệt may của Mỹ năm 2022 đạt 132,2 tỷ USD (+16,9% so với cùng kỳ. Với 25,65% thị phần, Trung Quốc là nhà cung cấp hàng dệt may lớn nhất cho Mỹ, theo sau là Việt Nam với 14,87% thị phần vì vậy việc các công ty may mặc có tỷ trọng xuất khẩu cao sang Mỹ sẽ gặp phải nhiều thách thức trong nửa cuối 2023.

Theo Tổng cục Hải quan (TCHQ), Mỹ vẫn là nhà nhập khẩu lớn nhất các sản phẩm dệt may của Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 17,3 tỷ USD (+7,9% so với cùng kỳ, chiếm



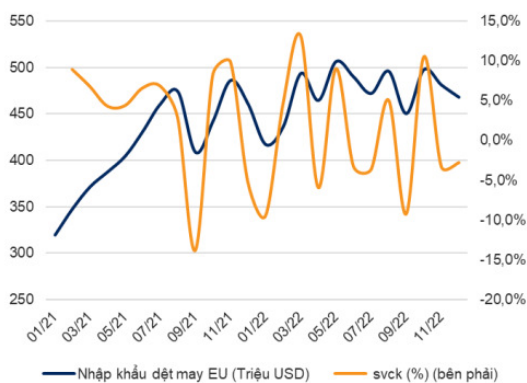
46,3% tổng kim ngạch xuất khẩu). Giá trị xuất khẩu dệt may Việt Nam) nhờ nhu cầu phục hồi với các sản phẩm truyền thống như vest, sơ mi, quần jean. Xuất khẩu sang EU năm 2022 đạt 4,46 tỷ USD, tăng 34,7% yoy nhờ tận dụng lợi thế từ EVFTA. Trong khi đó, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản tăng nhẹ 6,0% so với cùng kỳ trong 2022.



### Tỷ trọng xuất khẩu dệt may

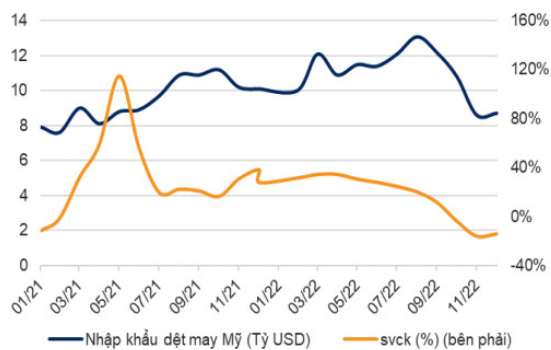
Sau khi giảm mạnh so với cùng kỳ trong Q4/22 do đơn hàng suy yếu, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam nối dài xu hướng lao dốc khi giảm 17% so với cùng kỳ trong 2T/2023.

Giá trị nhập khẩu hàng dệt may của EU trong tháng 12/2022 giảm 2,8% svck



Nguồn: OTEXA.

Giá trị nhập khẩu hàng dệt may của Mỹ trong tháng 12/2022 giảm 15,9% svck



Nguồn: OTEXA

Tuy nhiên, những tín hiệu tích cực từ cả thị trường trong nước và Thế giới như chỉ số quản lý thu mua (PMI) của Việt Nam, Mỹ và Trung Quốc tăng lần lượt 3,8 điểm, 0,9 điểm và 2,6 điểm so với tháng trước. Trong khi lạm phát tại Mỹ và EU cũng đang hạ nhiệt trong 2T23. Với các chỉ số đang có dấu hiệu phục hồi, kỳ vọng lĩnh vực xuất khẩu sẽ bớt khó khăn hơn trong Q2/23 và phục hồi dần trong Q3/23.

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ảnh hưởng nặng nề từ kéo dài từ cuối năm 2019 – 2021 do tác động kép giữa thương chiến Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid – 19 đã tạo nên một thách thức lớn để hồi phục kết quả SXKD của công ty. Ban Tổng giám đốc đã luôn bám sát sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao từ toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp Công ty khắc phục được những khó khăn, duy trì sự ổn định hoạt động SXKD.

Sau năm 2021, mặc dù có lỗ lũy kế và chưa hoàn thành so với kế hoạch đặt ra tuy nhiên doanh thu đã tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2020. Bước sang năm 2022 mặc dù 2 quý đầu năm thường là khoảng thời gian chững lại của ngành dệt may nói chung và ngành sợi nói riêng tuy nhiên Quý 1 và Quý 2 doanh thu của công ty vẫn tăng trưởng khi tăng lần lượt từ 56 tỷ lên 58 tỷ. Theo chu kỳ kinh doanh bình thường thì Quý III và Quý IV thường là khoảng thời gian bùng nổ đơn hàng của ngành dệt may. Tuy nhiên do các khó khăn của ngành dệt may nói chung bắt đầu từ quý III/2022 như nội dung đã đưa tại phần “Tổng quan ngành dệt may năm 2022” doanh thu của công ty bắt đầu suy giảm mạnh từ 58 tỷ trong quý II/2022 xuống 38 tỷ trong quý III/2022, và xuống 37 tỷ trong quý IV/2022.

**Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2022**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
A	B	C	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.172,27	189,47	16,20%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,01	- 473,05	-
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,01	- 473,05	-

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán)*

## **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc không hoàn thành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Sự suy yếu sau khoảng thời gian chịu tác động kép từ cuối năm 2019 – 2021 do tác động kép giữa thương chiến Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid – 19 đã khiến sức khỏe tài chính của công ty suy yếu nghiêm trọng. Việc KQKD liên tục không hiệu quả làm cho công ty không thể tiếp cận được các khoản vay của ngân hàng thương mại, việc thiếu hụt vốn lưu động khiến công ty không chủ động được trong việc hoạch định KQSX kinh doanh, bỏ lỡ những thời điểm thuận lợi của thị trường như không mua được nguyên liệu khi giá tốt để đầu cơ và đợi hưởng lợi khi giá sợi tăng cao, từ đó làm lỡ cơ hội gia tăng sản lượng để tiết giảm chi phí chế biến giúp tăng biên lợi nhuận.

Khoản lỗ phát sinh của Công ty trong năm chủ yếu là các chi phí cố định như khấu hao, các chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, lãi vay dài hạn do sản lượng dưới công suất thiết kế, đặc biệt là khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản hợp tác đầu tư là các dự án bất động sản thì liên tục gặp khó do khó khăn chung của thị trường bất động sản khiến tiến độ triển khai dự án bị ngưng trệ, kéo dài thời gian thu hồi các khoản đầu tư này. Mặc dù công ty đã liên tục trao đổi, yêu cầu đối tác đẩy nhanh tiến độ nhưng những khó khăn về cơ chế, sự đóng băng tạm thời của thị trường BĐS khiến những nỗ lực rút ngắn thời gian gặp nhiều khó khăn.

### **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

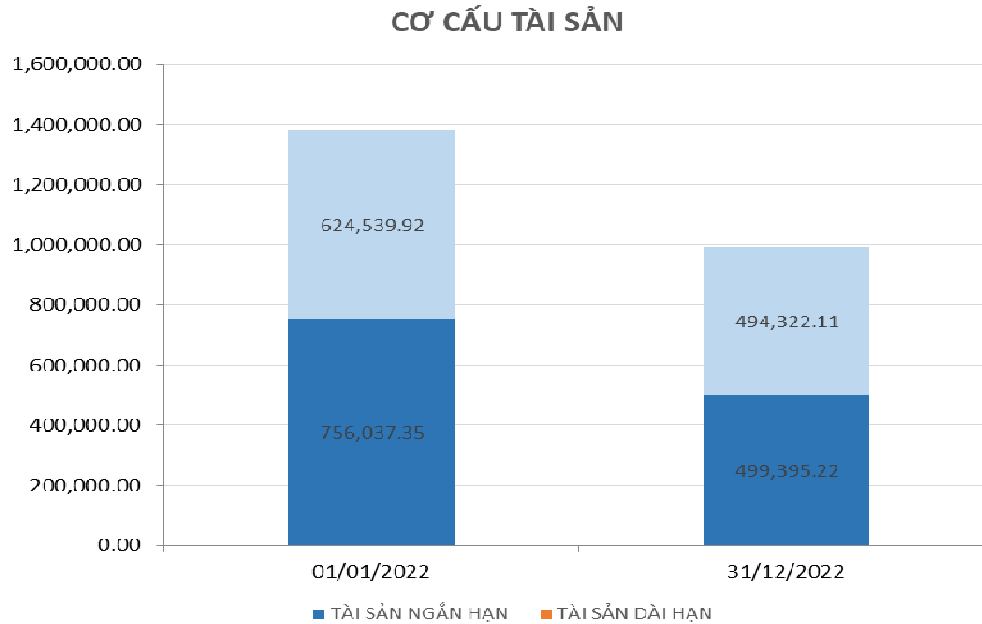
Làm chủ thành công công nghệ sản xuất sợi màu tái sinh không cần qua tẩy nhuộm.

Tách thành công nhà máy số 2 thành 2 dây chuyền sản xuất song song sợi nguyên sinh và tái sinh giúp gia tăng hiệu suất.

Bước đầu tìm kiếm được các đối tác tài trợ trước nguyên liệu để ổn định sản xuất, bù đắp một phần thiếu hụt vốn lưu động do không tiếp cận được các nguồn vốn vay.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản



**Bảng cơ cấu tài sản của doanh nghiệp**

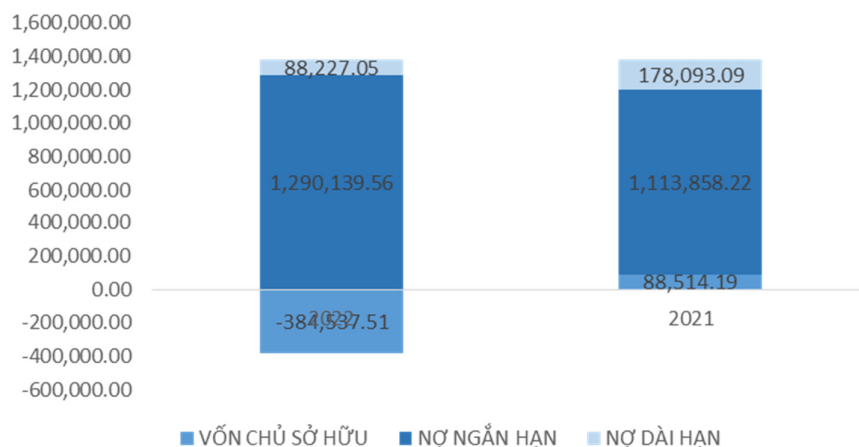
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	Biến động 2022 so với 2021 (%)
<b>1</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>756,037.35</b>	<b>499,395.22</b>	<b>-34%</b>
1.1	Tiền và tương đương tiền	5,927.27	2,853.31	-52%
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.00	0.00	-100%
1.3	Các khoản phải thu	686,745.55	407,345.87	-41%
1.5	Hàng tồn kho, rông	57,936.17	85,638.74	48%
1.6	Tài sản ngắn hạn khác	5,208.36	3,557.30	-32%
<b>2</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>624,539.92</b>	<b>494,322.11</b>	<b>-21%</b>
2.1	Phải thu dài hạn	154,445.17	112,904.16	-27%
2.2	Tài sản cố định	391,459.61	312,949.15	-20%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	63,712.59	64,509.41	1%
2.4	Đầu tư tài chính dài hạn	240.00	240.00	0%
2.5	Tài sản dài hạn khác	14,682.55	3,719.39	-75%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1,380,577.27</b>	<b>993,717.33</b>	<b>-28%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

## Tình hình nguồn vốn và nợ phải trả

### CƠ CẤU NGUỒN VỐN



### Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Biến động 2022 so với 2021 (%)
<b>1</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1,113,858.22</b>	<b>1,290,139.56</b>	<b>15.83%</b>
1.1	Phải trả người bán ngắn hạn	54,500.92	54,308.49	-0.35%
1.2	Người mua trả tiền trước	10,273.87	2,788.81	-72.86%
1.3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	387.93	135.26	-65.13%
1.4	Phải trả người lao động	4,192.48	2,792.58	-33.39%
1.5	Chi phí phải trả ngắn hạn	361,416.36	478,565.23	32.41%
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	16,835.22	21,402.86	27.13%
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	666,128.29	729,911.43	9.58%
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	123.15	234.91	90.76%
<b>2</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>178,093.09</b>	<b>88,227.05</b>	<b>-50.46%</b>
2.1	Chi phí phải trả dài hạn	54,041.02	32,522.52	-39.82%
2.2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	124,052.07	55,704.53	-55.10%
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1,291,951.31</b>	<b>1,378,366.61</b>	<b>6.69%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2022, Công ty tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với những thay đổi mới của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan bao gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán. Công ty chú trọng tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng và bền vững.

Tiếp tục tinh giản bộ máy quản lý, sáp nhập chức năng các phòng ban nhằm tăng cường công tác tác nghiệp.

Bước đầu chuyển đổi mô hình sản xuất từ 3 ca ,8 giờ/ca sang mô hình sản xuất 2 ca/ngày , thời gian làm việc 12 giờ/ca vừa phù hợp thời gian đi làm người lao động, tiết kiệm khoản chi phí đi lại của người lao động, giúp tăng thu nhập cho NLĐ, từ đó hỗ trợ công tác tuyển dụng và giữ chân lao động, giúp tiết giảm chi phí nhân công có tính chất cố định/đvsp.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra một số giải pháp cho năm 2023 như sau:

### **Giải pháp và định hướng về sản xuất**

Tiếp tục thực hiện việc đa dạng các mặt hàng sản xuất theo hướng bán các sản phẩm mà thị trường cần, các sản phẩm hướng tới bao gồm: sợi 100% cotton, sợi 100% Polyester nguyên sinh và đặc biệt là sợi 100% Polyester tái sinh thân thiện với môi trường, các dải chi số đa dạng đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng.

Chuyển dịch và mở rộng thị trường tiêu thụ sợi tại Ấn độ, Hàn Quốc, Thái Lan,... đặc biệt là tăng cường mở rộng thị trường nội địa để giảm sự phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu như Trung Quốc .

- Nhà máy 1: Sản xuất 100% sợi PE nguyên sinh, tiếp tục mở rộng thị trường trong nước kết hợp với xuất khẩu.
- Nhà máy 2: Sản xuất song song hai loại mặt hàng là sợi 100% PE màu tái sinh không qua tẩy nhuộm và sợi 100% PE nguyên sinh.
- Nhà máy 5: Sản xuất sợi cotton.

Tăng cường tái đầu tư, bảo dưỡng máy móc thiết bị, thay thế các thiết bị, công cụ sản xuất

nhằm đảm bảo sản lượng cũng như chất lượng các sản phẩm.

Thực hiện chuyển đổi đồng bộ thời gian sản xuất 2 ca/ ngày tại cả 3 nhà máy, có sự đánh giá và điều chỉnh kịp thời nhằm giúp tháo gỡ 1 phần khó khăn do việc thiếu lao động gây ra, đồng thời giúp tăng sản lượng từ đó giúp tiết giảm chi phí chế biến.

### **Giải pháp công tác thị trường:**

- Xây dựng kế hoạch Marketing riêng biệt cho dòng sản phẩm sợi màu không qua tẩy nhuộm nhằm tăng cường công tác nhận diện sản phẩm.
- Tích cực xúc tiến, quảng bá, giới thiệu sản phẩm sợi màu tới các đối tác thông qua các triển lãm và hội nghị giao thương xúc tiến ngành dệt may.
- Duy trì, nâng cao ổn định chất lượng các loại sợi
- Đẩy mạnh bán hàng trong nước, đặc biệt là khu vực phía Nam kết hợp đa dạng, linh động phương thức và điều kiện thanh toán nhằm thúc đẩy bán hàng. Tăng cường công tác bán hàng các thị trường ngách như tại các làng nghề mặc dù đơn hàng có thể nhỏ nhưng ổn định.
- Năm 2023 sẽ là một năm nhiều thách thức với ngành dệt may nói chung và ngành sợi nói riêng nên việc tích cực dự báo biến động giá (Bông, sợi, xơ) thị trường để chủ động trong việc sản xuất và xây dựng phát triển thị trường cần đặc biệt coi trọng.

### **Giải pháp về tài chính:**

- Tiếp tục làm việc với các ngân hàng liên quan trong việc xây dựng kế hoạch tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính bao gồm việc cơ cấu lại các khoản nợ vay quá hạn.
- Bổ sung vốn bằng cách hợp tác kinh doanh với các đối tác có tiềm lực tài chính để chủ động nguồn nguyên liệu cho sản xuất ổn định.
- Tích cực làm việc liên quan tới việc đẩy nhanh tiến độ của khoản hợp tác đầu tư dự án khu đô thị phía Nam thành phố Thái Bình.
- Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị phù hợp với thực tế tình hình sản xuất để từ đó có thể kịp thời quản lý vốn cũng như đưa ra các quyết định nhanh.





## **GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

- Trong năm 2022 tổng số thuế GTGT công ty đã phát sinh bù trừ là 14.7 tỷ đồng; số thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu đã thực nộp bằng tiền là 10.3 tỷ đồng, tiền thuê đất đã nộp 466 triệu đồng, thuế TNCN phát sinh đã nộp 118 triệu đồng. Số lao động của công ty tăng từ 447 lao động ngày 31/12/2021 lên 574 lao động tại ngày 31/12/2022. Tính tới kỳ quyết toán thuế năm 2022 công ty không phát sinh nợ thuế. Do vậy hoạt động SXKD của công ty vẫn hoạt động bình thường.
- Hiện tại công ty có đối tác cung cấp trước nguyên liệu đảm bảo sản xuất ổn định cho nhà máy 1 và nhà máy 2, nhiều khách hàng cũng sẵn sàng góp vốn hợp tác kinh doanh đảm bảo nguyên liệu sản xuất cho nhà máy thứ 3 khi thị trường ảm lên.
- Về sản xuất kinh doanh, nếu như trước đây công ty chỉ đơn thuần sản xuất mặt hàng sợi Cotton tập trung chủ yếu là sợi chi số 32 thì hiện này sau hơn 1 năm cơ cấu lại sản xuất mặt hàng công ty đã vô cùng đa dạng bao gồm: Sợi PE nguyên sinh, sợi PE tái sinh không qua tẩy nhuộm, sợi cotton truyền thống. Thị trường hướng tới của công ty cũng đa dạng hơn trước thay vì tập trung quá lớn vào thị trường Trung Quốc như Ấn Độ, Morocco, Hàn Quốc, Thái Lan, đặc biệt là thị trường trong nước. Tuy nhiên

cũng phải nhìn nhận những khó khăn của kinh tế vĩ mô toàn cầu trong những năm qua đã không tạo điều kiện thuận lợi để công ty có thể phát triển mở rộng thị trường cho mặt hàng sợi màu của công ty.

- Tất cả các khoản vay của công ty đều có tài sản đảm bảo. Công ty đã và đang tích cực làm việc với các ngân hàng liên quan, đã có những buổi làm việc cụ thể trong việc xây dựng kế hoạch tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính bao gồm cơ cấu lại khoản nợ vay quá hạn như đã nêu ở trên và bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2023

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022 mặc dù Việt Nam và Thế giới đã dần kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, mọi hoạt động thương mại đã hoạt động trở lại không bị ảnh hưởng nhiều của các biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống dịch tuy nhiên nền kinh tế Thế giới đang phải đối diện những thách thức lớn, biến động nhanh, bất ổn, lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các Quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cộng thêm sự cạnh tranh chiến lược, địa chính giữa các nước lớn. Xung đột quân sự, chiến tranh Nga và Ucraina, thiên tai, dịch bệnh... đã làm tăng rủi ro đến thị trường tài chính.

Về khó khăn của Ngành sản xuất sợi trong năm 2022 : Giá bông Thế giới đã chạm mức thấp nhất trong các năm qua, phần lớn là do nhu cầu giảm do áp lực lạm phát toàn cầu. Sự suy thoái chung của nền kinh tế toàn cầu, thắt chặt tiền tệ ở các nước mới nổi và đang phát triển, cùng với nhu cầu giảm ở các thị trường xuất khẩu lớn, bao gồm Mỹ, EU và Trung Quốc, là những nguyên nhân chính khiến giá bông toàn cầu giảm nhanh chóng. Mặt khác, giá bông giảm là do nhu cầu sợi bông và quần áo trên toàn cầu giảm. Xu hướng giảm này có thể sẽ tiếp tục trong năm tới do lo ngại suy thoái, các hạn chế do Covid ở Trung Quốc, lãi suất tăng và lạm phát gia tăng đã tác động đến sức mua của khách hàng. Theo xu hướng giảm giá sợi Thế giới, giá xuất khẩu trung bình mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam cũng bị giảm trong năm 2022. Thị trường sợi gặp nhiều khó khăn, nhiều Công ty sản xuất sợi trong nước phải tạm dừng hoạt động vì không

bán được sản phẩm, sản xuất lỗ.

Trước thách thức đặt ra, với những định hướng đúng đắn cùng sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết, quyết tâm cao của tập thể CBCNV toàn Công ty, Fortex đã nỗ lực ổn định hoạt động SXKD, định hướng lại dòng sản phẩm, tìm kiếm đối tác gia công để duy trì hoạt động các Nhà máy, duy trì công ăn việc làm người lao động nhằm ổn định nhân sự cũng như sự phát triển của Tỉnh. Ban lãnh đạo Công ty cũng đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, giảm hàng tồn kho, tuy nhiên với hàng loạt khó khăn trên đã khiến tổng doanh thu thuần của Công ty trong năm 2022 chỉ đạt 189,147 tỷ đồng, giảm 18,16% so với năm 2021.

### **Công tác quản trị công ty:**

HĐQT luôn chỉ đạo các bộ phận thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT và đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua ngày 25/06/2021.

### **Công tác quản lý, giám sát tài chính:**

Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa và thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành. Hiện tại công ty còn tồn tại những khoản công nợ khó đòi đã đưa vào trích lập dự phòng. Tuy nhiên, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc lên kế hoạch thu hồi với mục tiêu sẽ thu hồi được toàn bộ khoản công nợ này trong năm 2023. Các khoản cho vay và các khoản hợp tác đầu tư vẫn nằm trong diện kiểm soát. Các đơn vị nhận khoản vay của Fortex vẫn đang hoạt động sản xuất bình thường và cam kết trả đủ gốc và lãi vay cho Công ty. Các khoản hợp tác đầu tư là các dự án bất động sản có tiềm năng và khả năng thu lợi nhuận trong tương lai.

## **ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Mặc dù trải 01 năm khó khăn do hậu quả của đại dịch Covid - 19 và suy thoái kinh tế nhưng trong năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Giám đốc với những chỉ đạo kịp thời, sát sao, ứng phó hợp lý với những khó khăn của thị trường cố gắng duy trì sản xuất cả 3 nhà máy, đảm bảo hoạt động của Công ty trong khi vẫn đảm bảo các yêu cầu về quản trị rủi ro, nhất quán với đường lối chiến lược đề ra cụ thể như sau:

- Ban Tổng giám đốc luôn kịp thời tiếp thu, triển khai kịp thời các Nghị Quyết Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Công tác quản trị tài chính được thực hiện minh bạch, nghiêm túc và kịp thời. Ban Tổng giám đốc tiến hành đôn đốc, tích cực thu hồi các khoản nợ khó đòi, kỳ vọng sẽ thu hồi được vào năm 2023.
- Thực hiện chính sách bán hàng linh động, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường giúp duy trì doanh số bán hàng, giảm hàng tồn kho, luân chuyển dòng tiền tài chính.
- Về mục tiêu môi trường: Ban điều hành đã đưa vào sản xuất dòng sản phẩm sợi tái sinh màu không qua tẩy nhuộm thân thiện môi trường đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng sản xuất đồng thời giảm mức tác động đến môi trường xung quanh, thông qua việc cắt giảm tiêu thụ năng lượng, nước, giảm lượng khí thải và quản lý tốt chất lượng rác thải, nước thải.
- Các thành viên trong Ban điều hành đã làm tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc dẫn dắt, điều phối các bộ phận chuyên môn cùng hướng tới mục tiêu và lợi ích cao nhất của Công ty, nhờ đó giữ vững niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng và các bên liên quan.

## CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Căn cứ các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty và diễn biến thực tế trên thị trường, Hội đồng quản trị đã thảo luận và đưa ra kế hoạch hoạt động như sau:

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp kinh doanh nhằm hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2023 được giao.
- Cập nhật, rà soát, điều chỉnh các mục tiêu kinh doanh cụ thể để hoàn thành các kế hoạch theo từng năm trong mục tiêu dài hạn 5 năm của nhiệm kỳ HĐQT 2021-2026: biến Fortex thành doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh cao trong ngành sợi.
- Tăng cường đôn đốc, giám sát để đưa các nhà máy vận hành 100% công suất trở lại trong năm 2023.
- Chỉ đạo, theo dõi tình hình thu hồi các khoản công nợ của Công ty, đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Để tăng tính hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững, Công ty sẽ nắm bắt xu hướng, tìm hiểu thông lệ và các chiến lược hành động của ngành thông qua việc tham gia các hiệp hội ngành, các nhóm sáng kiến hành động trong nước và quốc tế, và tìm kiếm các gói hỗ trợ tài chính phù hợp.
- Thúc đẩy các hoạt động quan hệ Nhà đầu tư và Công bố thông tin, đảm bảo tính minh bạch, công bằng.
- Xây dựng lộ trình nâng cao năng lực quản trị cho Người phụ trách quản trị Công ty và các thành viên Hội đồng quản trị, thông qua việc kết hợp đào tạo nội bộ và tham gia các khóa đào tạo bên ngoài về quản trị Công ty.
- Tăng cường chia sẻ thông tin, khuyến khích các thành viên Hội đồng quản trị độc lập có những đánh giá, phân tích chuyên sâu các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi trong chương trình nghị sự để Hội đồng quản trị thảo luận và quyết định.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn.
- Tìm nguồn nguyên liệu, mặt hàng phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty. Tiến hành đầu tư, chuyển đổi sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm giảm sự phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
2. Sơ yếu lý lịch
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị
4. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex ngày 31/12/2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	5.100.000	10,2%
2.	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%
3.	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	0	0%
4.	Trần Xuân Tiến	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc.	0	0%
5.	Đào Thị Huệ	Thành viên HĐQT	0	0%

## SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Chủ tịch HĐQT – ÔNG LÊ MẠNH THƯỜNG

Năm sinh	: 1975	Quá trình công tác:
Quốc tịch	: Việt Nam	2006 – 2013: Chủ tịch HĐQT CTCP Vinaland
Dân tộc	: Kinh	2006 – 2016: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt
Quê quán	: Thái Thụy, Thái Bình	2013 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	2017 – nay:
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: - Chủ tịch HĐQT CTCP Trường Mạnh Holding Việt Nam - Chủ tịch HĐQT Công ty Bất động sản Đại Cường	- Chủ tịch Công ty Truman Holdings Việt Nam - Chủ tịch HĐQT Công ty Bất động sản Đại Cường.

### Thành viên HĐQT - ÔNG ĐỖ VĂN SINH

Năm sinh	: 1980	Quá trình công tác:
Quốc tịch	: Việt Nam	2004 - 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường
Dân tộc	: Kinh	2013 - 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Quê quán	: Thái Thụy, Thái Bình	2017 - 2018: Trợ lý TGĐ, Phó Giám Đốc Kí CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản miền trung
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh	12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không có	4/2019 - Nay: Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân



## Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG

Năm sinh	: 1980	Quá trình công tác:
Quốc tịch	: Việt Nam	10/2002 - 6/2007: Trưởng bộ phận chế độ tài chính kế toán tổng hợp - phòng tài chính kế toán - Bưu điện Hà Nội
Dân tộc	: Kinh	7/2007 - 2/2010: Phó phòng tư vấn CTCP Chứng khoán Bảo Việt
Quê quán	: Kim Bảng, Hà Nam	2/2008 - 4/2010: TV Ban kiểm soát CTCP Khoáng sản Bắc Kạn
Trình độ chuyên môn	: Tiến sĩ kinh tế	3/2010 - 2/2012: PGĐ chi nhánh Hà Nội, PGĐ Ngân hàng đầu tư, GD khối tư vấn TCDN, CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn thương tín
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: TV HĐQT tại công ty cổ phần Fideco Trưởng BKS CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.	4/2010 - 6/2012: TV HĐQT CTCP Thép Đình Vũ 3/2012 - 1/2013: Giám đốc tư vấn CTCP Bamboo Capital 3/2012 - 4/2013: TV Ban kiểm soát CTCP bảo hiểm AAA 02/2013 - 6/2013: Trưởng phòng tư vấn CTCP chứng khoán quốc gia 6/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Fideco 10/2015 – 03/2017: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP XNK Thủy Sản Miền Trung. 8/2015 – 5/2020: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành 08/2018 – 09/2020: Phó TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia 05/2016 – 04/2021: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Dược Danapha. 9/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân 06/2020 – Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần XNK Y tế TPHCM

## **Thành viên HĐQT – BÀ ĐÀO THỊ HUỆ**

Năm sinh : 1985  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Hưng Hà, Thái Bình  
  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư tự động hóa  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Quá trình công tác:  
2011 – 2012 : Nhân viên phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường  
2012 – 2015 : Phó phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường  
  
2016 – 2018 : Phó phòng Hành chính Nhân sự Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân  
09/2017 – 09/2018 : Thư ký HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân  
04/2019 – 04/2020 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân  
2019 – Nay : Giám đốc mua hàng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

## **Thành viên HĐQT - ÔNG TRẦN XUÂN TIẾN**

Năm sinh : 1975  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Vũ Thư, Thái Bình  
  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghiệp, Cử nhân Quản trị kinh doanh  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Quá trình công tác:  
08/2010 – 11/2019: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân  
11/2019 – Nay: Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Thông tin về hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022:  
Bảng 12: Thông tin về thành viên của HĐQT**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	7/7	100%	
2	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	7/7	100%	
3	Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	7/7	100%	
4	Trần Xuân Tiến	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	7/7	100%	
5	Đào Thị Huệ	TV HĐQT không điều hành	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	7/7	100%	

**Trong năm 2022, HĐQT đã thông qua 9 nghị quyết:**

**Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	14A/2022/NQ-FTM-HĐQT	30/03/2022	Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán
2	14B/2022/NQ-FTM-HĐQT	30/03/2022	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022.

3	14C/2022/NQ-FTM-HĐQT	30/03/2022	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc điều hành kinh doanh đối với ông Phạm Trường Giang kể từ 01/04/2022.
4	24/2022/NQ-FTM-HĐQT	10/05/2022	Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự đại hội, thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
5	33/2022/NQ-FTM-HĐQT	01/06/2022	Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và thông qua tài liệu phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2022
6	49/2022/NQ-FTM-HĐQT	30/06/2022	Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 lần thứ 2.
7	60/2022/NQ-FTM-HĐQT	30/07/2022	Thông qua việc lựa chọn đơn vị : <b>Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)</b> là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2022 và báo cáo tài chính năm 2022
8	63/2022/NQ-FTM-HĐQT	13/08/2022	Thông qua báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam( AVA)
9	122/2022/NQ-FTM-HĐQT	25/12/2022	Thông qua kế hoạch sản xuất – Kinh doanh năm 2023.

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 25/06/2020, Hội đồng quản trị ra Quyết định thành lập tiểu ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán). Sau thời gian thành lập, Ủy ban kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã đề ra.

**Bảng 14: Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán năm 2022:**

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV Ủy ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Hoàng Giang	TV HĐQT độc lập	05/07/2021	Tiến sỹ kinh tế
2	Bà Đào Thị Huệ	TV HĐQT	05/07/2021	Kỹ sư điện tự động hóa

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị công ty nói chung cũng như Ban Tổng Giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Giám sát hoạt động quản trị và điều hành của HĐQT, Ban điều hành
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết HĐQT
- Giám sát tình hình tài chính công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, đóng góp ý kiến độc lập, khách quan để cùng HĐQT thảo luận, đánh giá và hỗ trợ đưa ra những quy định tối ưu.

**Trong năm 2022, Ủy ban kiểm toán có 2 cuộc họp:**

**Bảng 15: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán năm 2022**

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Hoàng Giang	2	100%	100%
2	Đào Thị Huệ	2	100%	100%

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Lương, thưởng, thù lao

Theo Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp 2020, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty. Tổng lương, thưởng, thù lao của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty năm 2022 là 1.853.000.000 VNĐ.

stt	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP NĂM 2022	
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		-	<b>360.000.000</b>
1		Lê Mạnh Thường - Chủ tịch		96.000.000
2		Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc		60.000.000
3		Nguyễn Hoàng Giang - Thành viên		60.000.000
4		Trần Xuân Tiến- Thành viên, Phó Tổng giám đốc		60.000.000
5		Đào Thị Huệ- Thành viên		60.000.000
6		Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT		24.000.000
<b>II</b>	<b>ỦY BAN KIỂM TOÁN</b>		-	<b>60.000.000</b>
1		Nguyễn Hoàng Giang -Trưởng ban		36.000.000
2		Đào Thị Huệ- Thành viên		24.000.000
<b>III</b>	<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>		<b>1.433.000.0</b>	-
1		Đỗ Văn Sinh- Tổng Giám đốc	475.000.00	
2		Trần Xuân Tiến- Phó Tổng giám đốc	355.000.00	
3		Phạm Trường Giang -Phó Tổng giám	345.000.00	
4		Đào Văn Nam - Kế toán trưởng	258.000.00	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.433.000.0</b>	<b>420.000.000</b>

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có**

**Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có**

**Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Năm 2022, Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo quy định pháp luật quản trị công ty

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

---

Tháng 03 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 1000400095 ngày 30/10/2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 01/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn sợi); Xây dựng công trình dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;...

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên
Ông Trần Xuân Tiến	Thành viên
Bà Đào Thị Huệ	Thành viên

**Ủy ban Kiểm toán nội bộ**

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban
Bà Đào Thị Huệ	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

---

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



---

**Đỗ Văn Sinh**

**Tổng Giám đốc**

Thái Bình, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2023

Số:/ BCKT-TC/AVA.NV9

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 5 đến trang 32.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Cơ sở ý kiến từ chối***

Giả định hoạt động liên tục:

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.1, Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nợ phải trả của Công ty vượt quá tổng tài sản 384.537.510.885 VND và phát sinh khoản lỗ trên Báo cáo tài chính là: 473.051.704.579 đồng .

Ngoài ra, Các khoản vay Ngân hàng quá hạn thanh toán số tiền: 602.487.278.506 đồng tại thuyết minh số 20 và Lãi vay ngân hàng quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ số tiền: 511.008.977.905 đồng tại thuyết minh số 18

---

*Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2022

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này, cơ bản tùy thuộc vào việc Ban giám đốc đưa ra các chiến lược kinh doanh để cải thiện tình hình của Công ty cũng như duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay, Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, đã và đang phải thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai phụ thuộc nhiều vào việc tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và

quản lý tài chính bao gồm cơ cấu lại khoản nợ vay quá hạn như đã nêu ở trên và bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

Do đó, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục được áp dụng trong việc trình bày báo cáo này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính, trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục.

***Từ chối đưa ra ý kiến***

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu trong phần “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể và không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty



**Ngô Quang Tiến**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 0448-2023-126-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)**

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Chúc**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 3278-2020-126-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2022

Mẫu số B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>499.395.220.253</b>	<b>756.037.348.461</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5	<b>2.853.313.057</b>	<b>5.927.265.671</b>
1. Tiền	111		2.853.313.057	5.927.265.671
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	6	<b>-</b>	<b>220.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	220.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>407.345.869.176</b>	<b>686.745.551.773</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	402.292.492.477	407.290.103.325
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	219.237.963.509	221.421.551.097
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	35.687.120	35.687.120
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	55.034.082.917	57.998.210.231
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(269.254.356.847)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	12	<b>85.638.736.625</b>	<b>57.936.170.437</b>
1. Hàng tồn kho	141		85.638.736.625	57.936.170.437
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.557.301.395</b>	<b>5.208.360.580</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	2.528.440.682	4.852.411.007
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.028.860.713	302.677.245
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	53.272.328
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>494.322.111.277</b>	<b>624.539.921.442</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>112.904.159.268</b>	<b>154.445.169.768</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	112.904.159.268	154.445.169.768
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>312.949.151.021</b>	<b>391.459.605.373</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	309.270.792.814	386.861.657.622
- Nguyên giá	222		1.011.586.943.742	1.010.187.130.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(702.316.150.928)	(623.325.472.484)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	3.678.358.207	4.597.947.751
- Nguyên giá	228		7.944.995.383	7.944.995.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.266.637.176)	(3.347.047.632)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	17	<b>64.509.408.230</b>	<b>63.712.592.230</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.509.408.230	63.712.592.230
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	6	<b>240.000.000</b>	<b>240.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		240.000.000	240.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.719.392.758</b>	<b>14.682.554.071</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.719.392.758	14.682.554.071
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>993.717.331.530</b>	<b>1.380.577.269.903</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2022

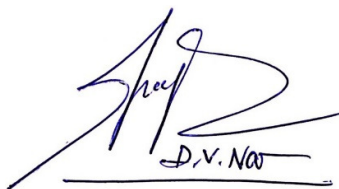
Mẫu số B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

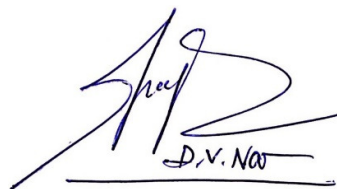
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.378.254.842.415</b>	<b>1.292.063.076.209</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.290.027.795.492</b>	<b>1.113.969.981.553</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	54.308.487.622	54.500.919.114
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	2.788.805.300	10.273.872.122
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	135.257.075	387.930.767
4. Phải trả người lao động	314		2.792.581.370	4.192.481.754
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	478.565.230.751	361.416.357.385
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	21.402.858.785	16.835.222.893
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	729.911.428.301	666.128.288.170
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		123.146.288	234.909.348
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>88.227.046.923</b>	<b>178.093.094.656</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	32.522.519.923	54.041.024.039
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	55.704.527.000	124.052.070.617
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(384.537.510.885)</b>	<b>88.514.193.694</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	23	<b>(384.537.510.885)</b>	<b>88.514.193.694</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.142.927.632	9.142.927.632
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(893.680.438.517)	(420.628.733.938)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(420.628.733.938)	(196.470.566.554)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(473.051.704.579)	(224.158.167.384)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>993.717.331.530</b>	<b>1.380.577.269.903</b>



Đ. V. Nam



Đ. V. Nam



Đào Văn Nam

Người lập biểu

Thái Bình, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2023

Đào Văn Nam

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Sinh

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

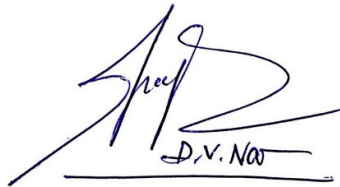


Mẫu số B02 - DN

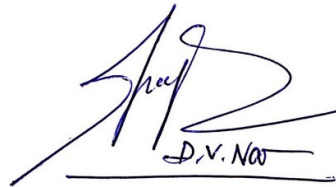
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Năm	
			2022	2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	01	189.479.727.437	231.835.529.358
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	02	332.696.789	163.914.551
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	26	10	189.147.030.648	231.671.614.807
4. Giá vốn hàng bán	27	11	178.179.406.829	210.496.889.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		20	10.967.623.819	21.174.725.322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	21	4.441.652.875	3.243.919.348
7. Chi phí tài chính	29	22	107.223.142.993	96.704.071.143
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	97.553.578.299	95.079.009.734
8. Chi phí bán hàng	30	25	2.058.743.520	2.974.491.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	26	288.532.162.224	16.197.208.299
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))		30	(382.404.772.043)	(91.457.126.173)
11. Thu nhập khác	31	31	2.812.858.923	337.424.706
12. Chi phí khác	32	32	93.459.791.459	133.038.465.917
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		40	(90.646.932.536)	(132.701.041.211)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		50	(473.051.704.579)	(224.158.167.384)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		51	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		60	(473.051.704.579)	(224.158.167.384)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	70	(9.461)	(4.483)



D.V. Nam



D.V. Nam



Đào Văn Nam  
Người lập biểu  
Thái Bình, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 03 năm 2023

Đào Văn Nam  
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Sinh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2022

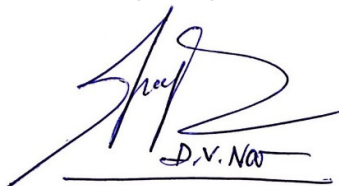
Mẫu số B03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

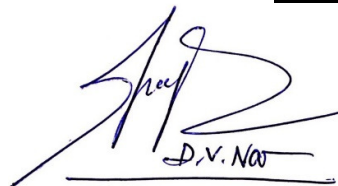
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2022	2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(473.051.704.579)</b>	<b>(224.158.167.384)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	78.990.678.444	78.879.571.251
- Các khoản dự phòng	03	269.254.356.847	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.409.581.778)	(3.207.043.099)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	32.071.097	48.036.876.249
- Chi phí lãi vay	06	97.553.578.299	95.079.009.734
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(31.630.601.670)</b>	<b>(5.369.753.249)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	51.686.336.250	58.892.584.809
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27.702.566.188)	(32.697.733.825)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	90.867.932.752	132.967.665.541
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.287.131.638	9.458.120.704
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.649.841)	(981.105.110)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(101.794.203.166)	(80.640.308.102)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.323.620.225)</b>	<b>81.629.470.768</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(41.761.010.500)	(63.695.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	48.543.010.500	1.322.676.976
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.071.097	3.731.876.249
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.814.071.097</b>	<b>(58.640.446.775)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	56.295.723.613	31.676.486.871
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.860.127.099)	(49.942.467.166)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.564.403.486)</b>	<b>(18.265.980.295)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.073.952.614)</b>	<b>4.723.043.698</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.927.265.671</b>	<b>1.541.089.172</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(336.867.199)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.853.313.057</b>	<b>5.927.265.671</b>



D.V. Nam

Đào Văn Nam  
Người lập biểu

Thái Bình, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 03 năm 2023



D.V. Nam

Đào Văn Nam  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Sinh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 500.000.000.000 đồng; Tổng số cổ phần là 50.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: bán buôn sợi); Xây dựng công trình dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;...

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Lao động**

Tại ngày 31/12/2022, tổng số nhân viên của Công ty là 574 người (Tại ngày 31/12/2021, tổng số nhân viên của Công ty là 447 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

### **4.2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **4.3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong đầy chuyên.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **4.4. Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **4.5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	2022
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	10 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	3 – 10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.7. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**4.10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**4.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12. Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### **4.13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



**4.15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**4.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại****Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**4.17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****4.17.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2022

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Cơ quan Công ty.

**4.17.2. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, chú ý tới bản chất của mối quan hệ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	467.971.311	4.109.876.770
Tiền gửi ngân hàng	2.385.341.746	1.817.388.901
	<b>2.853.313.057</b>	<b>5.927.265.671</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	-	-	<b>220.000.000</b>	<b>220.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (*)	-	-	220.000.000	220.000.000
<b>b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>240.000.000</b>	<b>240.000.000</b>	<b>240.000.000</b>	<b>240.000.000</b>
Trái phiếu (**)	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
	<b>240.000.000</b>	<b>240.000.000</b>	<b>460.000.000</b>	<b>460.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2022

(\*\*) Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2028 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mã BID2\_18.06, số lượng 24 trái phiếu, tại ngày 19/12/2018; mệnh giá một trái phiếu 10.000.000 VND /trái phiếu; thời hạn trái phiếu 10 năm; hình thức phát hành ghi sổ; ngày phát hành 19/12/2018; ngày đáo hạn 19/12/2028; Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng tham chiếu tại ngày Xác định lãi suất +1%/năm; Phương thức trả lãi: trả sau; thời điểm trả lãi: định kỳ 1 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu; Địa điểm thanh toán gốc, lãi: Đại lý đăng ký lưu ký và thanh toán chuyển trả tiền gốc, lãi trái phiếu vào Tài khoản của người sở hữu trái phiếu đăng ký tại Sở đăng ký hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thoán thuận với người sở hữu trái phiếu.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Phải thu của khách hàng</b>	<b>391.525.162.884</b>	<b>396.522.773.732</b>
Công ty Cổ phần Tân An	134.225.113.612	134.225.113.612
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt	138.920.055.754	138.920.055.754
Công ty TNHH XDTM Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101.730.497.200	101.730.497.200
Doanh nghiệp tư nhân Trịnh Chung	11.014.314.214	13.911.061.253
Các khoản phải thu khác	5.635.182.104	7.736.045.913
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>10.767.329.593</b>	<b>10.767.329.593</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10.767.329.593	10.767.329.593
	<b>402.292.492.477</b>	<b>407.290.103.325</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán</b>	<b>219.237.963.509</b>	<b>221.421.551.097</b>
Tongkook international trading co., limited	138.716.007.074	138.716.007.074
Các đối tượng khác	8.302.708.325	10.486.295.913
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>72.219.248.110</b>	<b>72.219.248.110</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	72.219.248.110	72.219.248.110
	<b>219.237.963.509</b>	<b>221.421.551.097</b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>35.687.120</b>	<b>35.687.120</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	35.687.120	35.687.120
<b>b) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>112.904.159.268</b>	<b>154.445.169.768</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (*)	100.960.534.268	142.501.544.768
Công ty Cổ phần Bất động sản New City (**)	11.800.625.000	11.800.625.000
Đối tượng khác	143.000.000	143.000.000
	<b>112.939.846.388</b>	<b>154.480.856.888</b>

**(\*) Bao gồm các hợp đồng cho vay:**

- Khoản cho công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay với số tiền 30.000.000.000 đồng theo hợp đồng số TC\_28.12.18/HĐVT ngày 28/12/2018. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 28/12/2019, Phụ lục hợp đồng số TC 01/TC\_28.12.18/HĐVT/PL, được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền. Đến thời điểm ngày 31/12/2022 còn dư nợ khoản vay của hợp đồng số TC\_28.12.18/HĐVT ngày 28/12/2018 số tiền: 27.960.534.268 đồng.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC100120/HĐVT ngày 10/01/2020 với số tiền 3.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 9%. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC18032021/HĐVT ngày 18/03/2021 số tiền 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền, lãi suất vay 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động kinh doanh

**(\*\*) Bao gồm các hợp đồng cho vay :**

- Khoản cho Công ty TNHH Bất động sản New City vay theo hợp đồng cho vay số 02012017/HĐVT ngày 02/01/2017 với tổng số tiền 58.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 05 tháng từ 03/01/2017 đến ngày 03/06/2017. Khoản cho vay này đã được gia hạn thời hạn vay tiền từ 04/06/2017 đến 31/12/2018 theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 03/06/2017. Theo phụ lục gia hạn hợp đồng cho vay tiền lần 2 số PL 02/02012017/HĐVT ngày 02/01/2019 thì thời hạn hợp đồng được gia hạn từ 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Lãi suất vay vốn là 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngày 01/05/2019, Phụ lục hợp đồng số 01/02012017/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty TNHH Bất động sản New City thay đổi thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	263.999.687	3.209.477.787
Phải thu lãi cho vay	3.281.942.387	3.281.942.387
Công ty Cổ phần Bất động sản New City (**)	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu khác	1.488.140.843	1.506.790.057
	<b><u>55.034.082.917</u></b>	<b><u>57.998.210.231</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2022

(\*\*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản New City theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 mét vuông để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019; Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000 m<sup>2</sup> hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vào tài khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

**11. NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101.730.497.200	30.519.149.160	-	-
Công ty Cổ phần Tân An	134.225.113.612	40.267.534.084	-	-
CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt	138.920.055.754	43.117.376.726	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10.767.329.593	2.484.579.342	-	-
	<b>385.642.996.159</b>	<b>116.388.639.312</b>	-	-

**12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.035.846.796	-	33.912.111.316	-
Công cụ, dụng cụ	1.656.367.581	-	1.503.631.901	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	712.687.676	-	2.039.347.244	-
Thành phẩm	33.233.834.572	-	20.481.079.976	-
	<b>85.638.736.625</b>	-	<b>57.936.170.437</b>	-

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.528.440.682</b>	<b>4.852.411.007</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.281.265.894	3.256.037.050
Chi phí mua bảo hiểm	1.065.508.987	1.492.347.837
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	181.665.801	104.026.120
<b>b. Dài hạn</b>	<b>3.719.392.758</b>	<b>14.682.554.071</b>
Công cụ dụng cụ	3.303.653.381	4.410.668.925
Các khoản chi phí dài hạn khác	415.739.377	10.271.885.146
<b>Cộng</b>	<b>6.247.833.440</b>	<b>19.534.965.078</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC (Chi tiết phụ lục 1)**

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (chi tiết phụ lục 2)**

**16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2022	7.944.995.383	7.944.995.383
Mua trong năm		-
Tại ngày 31/12/2022	7.944.995.383	7.944.995.383
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2022	3.347.047.632	3.347.047.632
Khấu hao trong năm	919.589.544	919.589.544
Tại ngày 31/12/2022	4.266.637.176	4.266.637.176
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2022	<b>4.597.947.751</b>	<b>4.597.947.751</b>
Tại ngày 31/12/2022	<b>3.678.358.207</b>	<b>3.678.358.207</b>

**17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	64.509.408.230	63.712.592.230
	<b>64.509.408.230</b>	<b>63.712.592.230</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2022

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán</b>	<b>35.128.051.972</b>	<b>35.128.051.972</b>	<b>35.320.483.464</b>	<b>35.320.483.464</b>
Công ty TNHH TM và DV K-H Việt Nam	242.650.239	242.650.239	219.448.399	219.448.399
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	877.844.501	877.844.501	1.229.948.825	1.229.948.825
Công ty TNHH Hoa Thắng	408.163.605	408.163.605	401.175.605	401.175.605
Công ty TNHH Trịnh Trung L.A	27.241.984.249	27.241.984.249	27.355.164.628	27.355.164.628
Phải trả các đối tượng khác	6.357.409.378	6.357.409.378	6.114.746.007	6.114.746.007
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>19.180.435.650</b>	<b>19.180.435.650</b>	<b>19.180.435.650</b>	<b>19.480.435.650</b>
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	19.180.435.650	19.180.435.650	19.180.435.650	19.480.435.650
	<b>54.308.487.622</b>	<b>54.308.487.622</b>	<b>54.500.919.114</b>	<b>54.800.919.114</b>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Người mua trả trước</b>	<b>2.788.805.300</b>	<b>10.273.872.122</b>
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Quân	3.848.215	5.171.586
Công ty TNHH Đức Hiếu	846.162.438	3.688.777.168
Công ty TNHH MTV Nam Trung	-	4.833.941.257
Bluzen Clothing	-	1.508.935.158
Các khách hàng khác	1.938.794.647	237.046.953
	<b>2.788.805.300</b>	<b>10.273.872.122</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>478.565.230.751</b>	<b>361.416.357.385</b>
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình (*)	343.411.421.155	264.628.945.793
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	135.075.036.827	94.823.079.615
Các khoản trích trước khác	78.772.769	1.964.331.977
<b>b. Dài hạn</b>	<b>32.522.519.923</b>	<b>54.041.024.039</b>
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình (*)	32.522.519.923	54.041.024.039
	<b>511.087.750.674</b>	<b>415.457.381.424</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2022

(\*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HDTDDT-NHPT ngày 31/12/2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Thái Bình, Tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/11/2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến năm tháng 01 năm 2023. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTĐ-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/09/2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý 1 năm 2025. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Đến thời điểm 31/12/2022, lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ là 375.933.941.078 đồng.

**21. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	86.913.000	166.371.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	15.194.210.323	15.002.814.612
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.121.735.462	1.666.037.281
<b>Cộng</b>	<b>21.402.858.785</b>	<b>16.835.222.893</b>

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH ( chi tiết xem phụ lục 03)****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (chi tiết xem tại phụ lục số 04)****b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	500.000.000.000	500.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	500.000.000.000	500.000.000.000

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/cổ phiếu)		



<b>24. DOANH THU</b>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	144.082.277.825	192.263.682.588
Doanh thu bán hàng hóa	3.272.500	14.034.993.710
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.345.496.112	25.459.423.360
Doanh thu khác	48.681.000	77.429.700
	<b>189.479.727.437</b>	<b>231.835.529.358</b>
<b>25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	332.696.789	163.914.551
	<b>332.696.789</b>	<b>163.914.551</b>
<b>26. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	143.749.581.036	192.099.768.037
Doanh thu bán hàng hóa	3.272.500	14.034.993.710
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.345.496.112	25.459.423.360
Doanh thu khác	48.681.000	77.429.700
	<b>189.147.030.648</b>	<b>231.671.614.807</b>
<b>27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	132.512.024.765	171.273.549.395
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	13.709.068.576
Giá vốn cung cấp dịch vụ	45.488.042.064	25.445.445.114
Giá vốn khác	179.340.000	68.826.400
	<b>178.179.406.829</b>	<b>210.496.889.485</b>
<b>28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	32.071.097	36.876.249
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.409.581.778	3.207.043.099
	<b>4.441.652.875</b>	<b>3.243.919.348</b>
<b>29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	97.553.578.299	95.079.009.734
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.669.564.694	1.625.061.409
	<b>107.223.142.993</b>	<b>96.704.071.143</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>288.532.162.224</b>	<b>16.197.208.299</b>
Chi phí nhân viên quản lý	10.209.505.540	9.657.070.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.441.757.511	3.040.911.900
Chi phí công cụ dụng cụ	10.548.747	502.948.366
Thuế, phí và lệ phí	896.415	8.009.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.511.335	2.091.550.602
Chi phí bằng tiền khác	6.552.585.829	896.717.272
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	269.254.356.847	
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>2.058.743.520</b>	<b>2.974.491.401</b>
Chi phí nhân viên	-	681.865.235
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	14.220	127.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.058.729.300	2.292.498.186

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.000.000	60.000.000
Thu tiền bảo hiểm chi trả bảo hiểm tài sản nhà máy	71.340.080	-
Thu nhập khác	2.736.518.843	277.424.706
	<b>2.812.858.923</b>	<b>337.424.706</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	820.937.092	876.462.264
Chi phí vượt định mức	78.501.886.676	74.555.060.102
Chi phí Hợp đồng hợp tác đầu tư	-	48.000.000.000
Chi phí khác	14.136.967.691	9.606.943.551
	<b>93.459.791.459</b>	<b>133.038.465.917</b>

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(473.051.704.579)	(224.158.167.384)
Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(473.051.704.579)</b>	<b>(224.158.167.384)</b>

**Cổ phiếu**

	Năm 2022	Năm 2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>(9.461)</b>	<b>(4.483)</b>

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.532.027.142	47.406.856.474
Chi phí nhân công	43.432.994.581	14.349.605.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.910.267.988	13.913.533.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.253.915.829	24.187.950.577
Chi phí khác bằng tiền	21.994.452.464	1.053.869.851
	<b>345.123.658.004</b>	<b>100.911.815.628</b>

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan**

Công ty CP Bất động sản Đại Cường  
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường

**Mối quan hệ**

Công ty có liên quan  
 Công ty có liên quan

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu hồi khoản cho vay</b>	<b>41.541.010.500</b>	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	41.541.010.500	-
<b>Thu hồi khoản hợp tác đầu tư</b>	-	<b>67.000.000.000</b>
Công ty CP Bất động sản Đại Cường	-	67.000.000.000
<b>Cho vay</b>	-	<b>130.700.919.768</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	130.700.919.768

**Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính**

Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày tại thuyết minh số 7,8,18.

**36. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

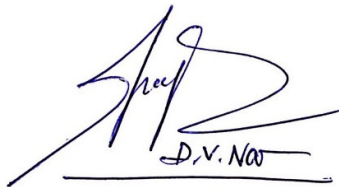
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP ĐẾN 31/12/2022	
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		-	<b>360.000.000</b>
1		Lê Mạnh Thường - Chủ tịch		96.000.000
2		Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc		60.000.000
3		Nguyễn Hoàng Giang - Thành viên		60.000.000
4		Trần Xuân Tiến- Thành viên, Phó Tổng giám đốc		60.000.000
5		Đào Thị Huệ- Thành viên		60.000.000
6		Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT		24.000.000
<b>II</b>	<b>ỦY BAN KIỂM TOÁN</b>		-	<b>60.000.000</b>
1		Nguyễn Hoàng Giang - Trưởng ban		36.000.000
2		Đào Thị Huệ- Thành viên		24.000.000
<b>III</b>	<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>		<b>1.433.000.000</b>	-
1		Đỗ Văn Sinh- Tổng Giám đốc	475.000.000	
2		Trần Xuân Tiến- Phó Tổng giám đốc	355.000.000	
3		Phạm Trường Giang - Phó Tổng giám đốc	345.000.000	
4		Đào Văn Nam - Kế toán trưởng	258.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.433.000.000</b>	<b>420.000.000</b>

**37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

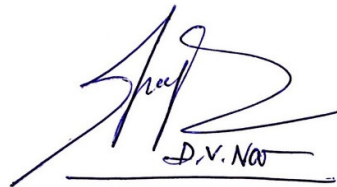
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Đ. V. Nam



Đ. V. Nam



Đào Văn Nam  
Người lập biểu  
Thái Bình, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 03 năm 2023

Đào Văn Nam  
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Sinh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
 Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT CÁC KHOẢN THUẾ PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2022		Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2022	
	<i>Phải thu</i>	<i>Phải trả</i>			<i>Phải thu</i>	<i>Phải trả</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	4	23.326.832.672	23.326.832.676	-	-
- Thuế GTGT đầu ra		4	14.679.004.125	14.679.004.129	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		8.647.828.547	8.647.828.547	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân		152.572.601	101.112.230	118.427.756	-	135.257.075
Tiền thuế đất		235.358.162	842.252.798	1.077.610.960	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	53.272.328		1.703.229.145	1.649.956.817	-	-
Các loại thuế khác			13.566.746	13.566.746	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.272.328</b>	<b>387.930.767</b>	<b>25.986.993.591</b>	<b>26.186.394.955</b>	<b>-</b>	<b>135.257.075</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình  
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**PHỤ LỤC 02: BẢNG BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2022	<b>165.713.598.201</b>	<b>838.511.570.998</b>	<b>2.003.636.364</b>	<b>3.958.324.543</b>	<b>1.010.187.130.106</b>
Mua trong năm		-	1.408.904.545		1.408.904.545
Thanh lý, nhượng bán			(9.090.909)		(9.090.909)
Tại ngày 31/12/2022	<b>165.713.598.201</b>	<b>838.511.570.998</b>	<b>3.403.450.000</b>	<b>3.958.324.543</b>	<b>1.011.586.943.742</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2022	<b>60.311.507.096</b>	<b>560.229.593.053</b>	<b>1.202.855.961</b>	<b>1.581.516.374</b>	<b>623.325.472.484</b>
Khấu hao trong năm	9.818.056.836	68.460.535.745	231.288.547	480.797.316	78.990.678.444
Giảm khác					-
Tại ngày 31/12/2022	<b>70.129.563.932</b>	<b>628.690.128.798</b>	<b>1.434.144.508</b>	<b>2.062.313.690</b>	<b>702.316.150.928</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2022	<b>105.402.091.105</b>	<b>278.281.977.945</b>	<b>800.780.403</b>	<b>2.376.808.169</b>	<b>386.861.657.622</b>
Tại ngày 31/12/2022	<b>95.584.034.269</b>	<b>209.821.442.200</b>	<b>1.969.305.492</b>	<b>1.896.010.853</b>	<b>309.270.792.814</b>

*Trong đó:*

Nguyên giá của các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 12.070.016.178 đồng  
Đến thời điểm 31/12/2022, tất cả các Tài sản cố định đã được dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng.

**PHỤ LỤC 03: BẢNG CHI TIẾT VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay bằng VND</b>	<b>302.486.367.522</b>	<b>302.486.367.522</b>	-	<b>1.730.816.164</b>	<b>300.755.551.358</b>	<b>300.755.551.358</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)</i>	<i>302.486.367.522</i>	<i>302.486.367.522</i>	<i>-</i>	<i>1.730.816.164</i>	<i>300.755.551.358</i>	<i>300.755.551.358</i>
<b>Vay bằng USD</b>	<b>126.656.328.000</b>	<b>126.656.328.000</b>	<b>5.900.666.000</b>	<b>1.924.745.000</b>	<b>130.632.249.000</b>	<b>130.632.249.000</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)</i>	<i>126.656.328.000</i>	<i>126.656.328.000</i>	<i>5.900.666.000</i>	<i>1.924.745.000</i>	<i>130.632.249.000</i>	<i>130.632.249.000</i>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (Trình bày thuyết minh vay dài hạn)</b>	<b>236.985.592.648</b>	<b>236.985.592.648</b>			<b>298.523.627.943</b>	<b>298.523.627.943</b>
<b>Cộng</b>	<b>666.128.288.170</b>	<b>666.128.288.170</b>	<b>5.900.666.000</b>	<b>3.655.561.164</b>	<b>729.911.428.301</b>	<b>729.911.428.301</b>

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/1497403/HĐTD ngày 30 tháng 07 năm 2019. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 570 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Hạn mức chiết khấu là 100 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 31/01/2020. Thời hạn cho vay, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn, kho vật liệu phụ, hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ ngày 13/06/2016 ký giữa ông Lê Mạnh Thường, bà Bùi Thị Hằng và Ngân hàng, hợp đồng cầm cố số 01/2017/1497403/CC/HĐBĐ ngày 20/02/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng, máy ghép và máy xe kiện, máy chải thô, máy kiểm tra độ bền sợi, hệ thống server và phụ trợ ...

Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.3/2019/1497403/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2020 gia hạn hiệu lực mức tín dụng ngắn hạn năm 2019-2020 theo hợp đồng hạn mức tín dụng trên đến ngày 30/09/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình

Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<b>01/01/2022</b>		<b>Trong năm</b>		<b>31/12/2022</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>361.037.663.265</b>	<b>361.037.663.265</b>	<b>50.395.057.613</b>	<b>57.204.565.935</b>	<b>354.228.154.943</b>	<b>354.228.154.943</b>
<b>Các khoản vay dài hạn của công ty</b>	<b>100.557.744.089</b>	<b>100.557.744.089</b>	<b>1.800.147.277</b>	<b>7.493.875.599</b>	<b>94.864.015.767</b>	<b>94.864.015.767</b>
<b>Vay bằng VND</b>	<b>92.210.131.117</b>	<b>92.210.131.117</b>	<b>1.410.761.349</b>	<b>7.375.611.349</b>	<b>86.245.281.117</b>	<b>86.245.281.117</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>57.345.751.685</i>	<i>57.345.751.685</i>		<i>-</i>	<i>57.345.751.685</i>	<i>57.345.751.685</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (3)</i>	<i>34.864.379.432</i>	<i>34.864.379.432</i>	<i>1.410.761.349</i>	<i>7.375.611.349</i>	<i>28.899.529.432</i>	<i>28.899.529.432</i>
<b>Vay bằng USD</b>	<b>8.347.612.972</b>	<b>8.347.612.972</b>	<b>389.385.928</b>	<b>118.264.250</b>	<b>8.618.734.650</b>	<b>8.618.734.650</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>8.347.612.972</i>	<i>8.347.612.972</i>	<i>389.385.928</i>	<i>118.264.250</i>	<i>8.618.734.650</i>	<i>8.618.734.650</i>
<b>Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường</b>	<b>260.479.919.176</b>	<b>260.479.919.176</b>	<b>48.594.910.336</b>	<b>49.710.690.336</b>	<b>259.364.139.176</b>	<b>259.364.139.176</b>
<b>Vay bằng VND</b>	<b>247.725.279.176</b>	<b>247.725.279.176</b>	<b>47.999.990.336</b>	<b>49.529.990.336</b>	<b>246.195.279.176</b>	<b>246.195.279.176</b>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (4)</i>	<i>239.925.279.176</i>	<i>239.925.279.176</i>	<i>47.999.990.336</i>	<i>49.529.990.336</i>	<i>238.395.279.176</i>	<i>238.395.279.176</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>7.800.000.000</i>		<i>-</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>7.800.000.000</i>
<b>Vay bằng USD</b>	<b>12.754.640.000</b>	<b>12.754.640.000</b>	<b>594.920.000</b>	<b>180.700.000</b>	<b>13.168.860.000</b>	<b>13.168.860.000</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>12.754.640.000</i>	<i>12.754.640.000</i>	<i>594.920.000</i>	<i>180.700.000</i>	<i>13.168.860.000</i>	<i>13.168.860.000</i>
<b>Trừ Nợ dài hạn đến hạn trả (Trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)</b>	<b>236.985.592.648</b>	<b>236.985.592.648</b>			<b>298.523.627.943</b>	<b>298.523.627.943</b>
<b>Cộng</b>	<b>124.052.070.617</b>	<b>124.052.070.617</b>	<b>50.395.057.613</b>	<b>57.204.565.935</b>	<b>55.704.527.000</b>	<b>55.704.527.000</b>



**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	<b>01/01/2022</b>		<b>31/12/2022</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản vay của công ty</b>	<b>80.210.200.472</b>	<b>80.210.200.472</b>	<b>94.864.015.767</b>	<b>94.864.015.767</b>
<b>Vay bằng VND</b>	<b>71.862.587.500</b>	<b>71.862.587.500</b>	<b>86.245.281.117</b>	<b>86.245.281.117</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>15.927.587.500</i>	<i>15.927.587.500</i>	<i>34.864.379.432</i>	<i>34.864.379.432</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)- CN Thái Bình (3)</i>	<i>55.935.000.000</i>	<i>55.935.000.000</i>	<i>51.380.901.685</i>	<i>51.380.901.685</i>
<b>Vay bằng USD</b>	<b>8.347.612.972</b>	<b>8.347.612.972</b>	<b>8.618.734.650</b>	<b>8.618.734.650</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>8.347.612.972</i>	<i>8.347.612.972</i>	<i>8.618.734.650</i>	<i>8.618.734.650</i>
<b>Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường</b>	<b>156.775.392.176</b>	<b>156.775.392.176</b>	<b>203.659.612.176</b>	<b>203.659.612.176</b>
<b>Vay bằng VND</b>	<b>144.020.752.176</b>	<b>144.020.752.176</b>	<b>190.490.752.176</b>	<b>190.490.752.176</b>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)- CN Thái Bình (4)</i>	<i>136.220.752.176</i>	<i>136.220.752.176</i>	<i>182.690.752.176</i>	<i>182.690.752.176</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>7.800.000.000</i>
<b>Vay bằng USD</b>	<b>12.754.640.000</b>	<b>12.754.640.000</b>	<b>13.168.860.000</b>	<b>13.168.860.000</b>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>12.754.640.000</i>	<i>12.754.640.000</i>	<i>13.168.860.000</i>	<i>13.168.860.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>236.985.592.648</b>	<b>236.985.592.648</b>	<b>298.523.627.943</b>	<b>298.523.627.943</b>

(2) Hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 06 tháng 10 năm 2016, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2021. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

Khế ước vay dài hạn số 15082000222569 số tiền 20.696.920.000 đồng, giải ngân ngày 28/09/2018. Thời hạn vay 10 năm. Mục đích vay để đầu tư nhà máy Đức Quân 6.

(3) Khoản vay dài hạn của Công ty với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng vay như sau:

(3.1) Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03 /2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vẫn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(3.2) Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt qua 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10 % tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(4) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:

(4.1) Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(4.2) Hợp đồng số 01/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm), Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(5) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2020. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

Tại thời điểm 31/12/2022 các khoản vay đã quá hạn thanh toán là 661.563.875.020 đồng. Trong đó Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội quá hạn thanh toán là 476.902.958.112 đồng; Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán là 184.660.892.512 đồng

**PHỤ LỤC 04: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2021	500.000.000.000	9.142.927.632	(196.470.566.554)	312.672.361.078
Lợi nhuận trong năm			(224.158.167.384)	(224.158.167.384)
Số dư tại ngày 01/01/2022	500.000.000.000	9.142.927.632	(420.628.733.938)	88.514.193.694
Lợi nhuận trong năm			(473.051.704.579)	(473.051.704.579)
Số dư tại ngày 31/12/2022	500.000.000.000	9.142.927.632	(893.680.438.517)	(384.537.510.885)